**BỘ Y TẾ**

**HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

**BỘ MÔN NHI**

**BÀI GIẢNG**

**BỆNH HỌC VÀ ĐIỀU TRỊ**

 **NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN**

Đối tượng: Bác sĩ Y học cổ truyền

Chủ biên: ThS. Nguyễn Đăng Tuấn

Tham gia biên soạn:

BS.CKI. Nguyễn Nhật Minh

BS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga

BS. Bùi Tương Thu

BS. Phạm Hà Ly

Tài liệu lưu hành nội bộ

Hà Nội

**CHẨN ĐOÁN NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**I. CÁC ĐẶC ĐIỂM VỀ CHẨN ĐOÁN**

Chẩn đoán bệnh trẻ em YHCT cũng dựa trên cơ sở lý luận, tứ chẩn và bát cương. Do đặc điểm của trẻ em chưa biết nói, chưa biết diễn tả được quá trình bệnh lý, khó xác định được mạnh tượng, nên y học cổ truyền thường lấy vọng chẩn là chính để chẩn đoán.

Trẻ em “Tỳ thường bất túc, can thường hữu dư” nên trẻ sốt cao thường hay co giật “Can phong nội động”. Dễ mắc các bệnh tiêu hoá do khả năng điều chỉnh kém.

Trẻ em “Thuần dương vô âm” hưng phấn mạnh vì vậy trẻ em mắc bệnh nhanh, nếu điều trị không tốt sẽ dẫn đến nặng, tử vong, nhưng dễ hồi phục nếu được phát hiện sớm và điều trị kịp thời.

Phế chủ bì mao, trẻ em tấu lý còn sơ hở nên dễ mắc bệnh về phế.

**II. VỌNG CHẨN**

1. **Trông hình thể**

Có thể phân biệt được tình hình thực trạng hư thực của bệnh và người bệnh, nhờ quan sát tổng hợp về hình thái bên ngoài, tinh thần và các diễn biến lâm sàng của bệnh v.v..

Như hàn thường trầm lặng, thực thường rãy rụa lăn lộn. Hư thì tinh thần suy kém, nhiệt thì rối loạn khóc thét. Tinh thần thoải mái là biểu hiện khí cơ thông lợi, tiên lượng chữa bệnh tốt, thần mất là khí biến, tinh thần mệt mỏi là tiên lượng xấu.

Hình thái thịnh là thực chứng, thân hình mềm yếu phần nhiều là hư. Da thịt tươi nhuận, lông tóc dày kín là thuộc thực; da nhăn nheo, lông tóc khô là thuộc hư. Xem có ban chẩn, phù thũng, vàng da không? Thóp lõm lâu ngày là do tiên thiên không đầy đủ.

1. **Trông sắc mặt**

Sắc đỏ thuộc nhiệt, sắc xanh chủ về phong, sắc trắng thuộc hư hàn, sắc vàng chủ về thấp nhiệt ở tỳ vị, sắc đen phần nhiều là bệnh nặng nguy kịch.

Sốt cao tím ở thừa tương hoặc chân cánh mũi: sắp co giật.

1. **Trông về ngũ quan, tiền âm, hậu âm**

***3.1. Xem mắt:***

Mắt là khiếu của can, tất cả tinh hoa của ngũ tạng đều dồn lên mắt, là mấu chốt để xem thần khí còn hay mất.

Sắc đỏ ở lòng trắng là nhiệt, sắc vàng là thấp uất, sắc xanh là can phong thịnh. Lúc ngủ mắt mở mồm há tỳ khí hư, mắt trợn ngược là kinh phong.

Nước mắt chảy nhiều, sắc đỏ là sởi sắp mọc. Khóc mà không có nước mắt phần nhiều là bệnh nặng. Mắt có điểm đen ở lòng trắng có trùng tích.

Mắt đỏ ngứa là phong nhiệt, đồng tử dãn là thần khí sắp hết, kích thích hoạt động phản ứng tăng là biểu hiện chứng can phong còn chữa được, ngược lại là khó chữa.

***3.2. Xem mũi:***

Đầu mũi xanh mà chau mày lại, khóc không nín phần nhiều là đau bụng. Hơi thở gấp yếu có mùi hôi lí do phế nhiệt, thở chậm lạnh là biểu hiện bệnh nặng.

Ngứa nóng lỗ mũi, khóc không có nước mũi là biểu hiện phế nhiệt nhiều.

Cánh mũi phập phồng nhiều là biểu hiện của khó thở, khí nặng nghịch lên là chứng bệnh nặng.

Nước mũi trong: Cảm mạo phong hàn. Nước mũi đục: Cảm mạo phong nhiệt.

***3.3. Xem môi:***

Môi trắng nhợt là tỳ hư, thiếu máu. Sắc môi hồng khô cháy là bệnh thuộc nhiệt.

Xem: rêu lưỡi, chất lưỡi, họng: Biểu hiện của bệnh ở phế, trường vị.

\* Rêu lưỡi trắng, mỏng là giai đoạn đầu của bệnh ngoại cảm. Rêu lưỡi trắng dầy là do thấp trọc. Rêu lưỡi vàng là do vị nhiệt.

\* Chất lưỡi: Biểu hiện bệnh của tâm phần dinh huyết. Chất lưỡi hồng nhạt là hư nhiệt, chất lưỡi đỏ là thực nhiệt.

\* Họng: Loét đỏ là viêm họng (Phế nhiệt). Amiđan sưng là do nhiệt. Nga khẩu sang: Tưa miệng.

***3.4. Xem răng, lợi:***

Răng có màu vàng đọng lại do thấp trọc bốc lên, răng khô khảo mà sáng là vị nhiệt. Răng khô là tân dịch bị tổn thương.

Chảy máu chân răng là vị nhiệt nhưng có khi do huyết hư. Trẻ em nghiến răng nhiều thường do giun.

***3.5. Xem tai:***

Dái tai xanh lạnh, dái tai có vành đỏ ẩn hiện là biểu hiện sởi sắp mọc, tai đỏ thường là phong nhiệt, xanh là biểu hiện của đàm. Tai đỏ có mủ là do can hoả, đởm hoả bốc lên.

***3.6. Xem tiền âm, hậu âm:***

Tiền âm thuộc thận. Con trai mà bìu dái săn thâm đen là thận khí đầy đủ, bìu dái nhăn nheo, nhợt là khí kém, bìu dái phù thũng là tì thận hư hàn, bìu dái sưng đau là chứng sán khí.

Con gái: Ẩm hộ đỏ ngứa là biểu hiện thấp nhiệt.

Hậu âm: Hậu môn sưng, đau, nóng, đỏ là nhiệt ở đại trường, ngứa là có giun kim.

1. **Xem chỉ tay:**

Là một phương pháp đặc biệt để xem bệnh cho trẻ em dưới 3 tuổi: Chỉ ngón tay là đường mạch lạc hiện ra từ hố khẩu thẳng đến mé trên trong ngón tay trỏ được chia ra:

- Đốt I ngón trỏ là phong quan: Bệnh còn ở biểu, vệ, nhẹ.

- Đốt II ngón trỏ là khí quan: Bệnh vào lý, khí, tà nặng.

- Đốt III ngón trỏ là mệnh quan: Bệnh vào lý, dinh huyết, tà khí nặng.

Lúc bình thường chỉ ngón tay phần nhiều màu đỏ vàng ẩn nấp phía trong mà không biểu hiện ra phong quan, khi có bệnh thì chỉ ngón tay biến đổi màu sắc tuỳ tình trạng biểu lý hư thực, hàn nhiệt của bệnh.

**Nổi hay chìm để phân biệt biểu lý:**

Ở biểu: Chỉ tay hiện nổi ra ngoài. Ở lý: Chỉ tay chìm vào trong.

Màu đỏ hay nhạt để phân biệt hư thực, hàn nhiệt.

Chỉ ngón tay nhợt nhạt: Hư hàn, chỉ ngón tay hồng đỏ phần nhiều là thực nhiệt.

Chỉ ngón tay màu đỏ tươi: Tà mới xâm nhập bệnh thuộc thực, màu đỏ nhạt bóng là do hư nhiệt. Đỏ bầm hay tím thâm là cực nhiệt.

Chỉ tay màu xanh: Biểu hiện của sự đau đớn hay kinh phong, xanh đen thường là bệnh nặng.

**Để tiên lượng bệnh:** Chỉ tay xuất hiện ở phong quan là bệnh mới mắc dễ chữa, ở khí quan là bệnh đang mạnh, ở mệnh quan là bệnh nặng khó chữa hơn.

**III. VĂN CHẨN**

Cần chú ý đến đặc điểm sau:

- Khóc từng cơn, lúc gay gắt, lúc khóc bình thường là do đau bụng. Khóc rên rỉ là do cam tích. Khóc khan là do bệnh ở họng, hầu. Khóc vò đầu là đau đầu. Khóc nhiều không có nước mắt là bệnh nặng, tân dịch hao tổn.

- Ngoài ra còn nghe: Tiếng nói, nghe hơi thở, ho, hen, ngửi khí vị.

- Sốt cao nói lảm nhảm: Nhiệt nhập tâm bào.

- Thở thô to cùng khí xuyễn: Phế khí uất. Thở khò khè: Đàm trệ. Thở gấp yếu: Phế khí hư.

- Ho to: Phế khí thực. Ho nhỏ: Phế khí hư. Ho khan: Phế khí táo. Ho từng tiếng chảy nước mũi: Ngoại cảm

- Ngửi hơi thở: Mùi chua: thực tích, ăn không tiêu. Mùi hôi: Vị nhiệt.

- Ngửi phân: Khắm: Thực tích, cam tích. Mùi tanh: Hư hàn.

- Nước tiểu: Vàng đỏ khai: Thấp nhiệt bàng quang. Đái đục, hôi tanh: Thấp trọc bàng quang.

**IV. VẤN CHẨN**

Hỏi về: Nóng lạnh, đầu, thân mình, ăn uống, ngủ, đại tiểu tiện, thông qua người nhà bệnh nhân.

- Nóng lạnh: Thích bế trong chăn: Chứng hàn. Sốt nổi da gà không có mồ hôi: Ngoại cảm. Sốt cao kéo dài: Bệnh ở lý. Sốt về chiều ra mồ hôi trộm: Hư lao, âm hư. Bàn chân tay nóng: Âm hư. Bàn chân, tay lạnh giá: Dương hư. Thích đắp chăn sợ lạnh, không sốt: Lý hàn, dương hư.

- Đầu: Đầu ngửa ra sau, gáy cứng: Kinh phong, sốt vật vã, đau mình mẩy: Ngoại cảm.

- Thân mình: Mồ hôi: Tự hãn: Dương khí hư, còi xương. Đạo hãn: Âm hư, suy dinh dưỡng. Ra mồ hôi nhiều chân tay lạnh: Tuyệt hãn, dương thoát.

- Ăn: Ăn nhiều chóng đói, ăn liên tục: Vị hoả thịnh. Ăn ít chán ăn: Tỳ vị hư nhược. Ăn vào bụng đầy chướng: Thực tích. Đói khi bú vào khóc thét: Tưa miệng. Miệng khô đòi bú: Tân dịch hao tổn. Ăn dễ nôn trớ: Hội chứng màng não, rối loạn tiêu hoá.

- Ngủ: Ngủ ít không yên: Tâm vị nhiệt. Ngủ giật mình: Tâm khí hư. Ngủ nghiến răng: Trùng tích, vị nhiệt. Nếu đang ngủ mà giật mình, kêu la là do phiền táo không yên. Ngủ yên lặng, hơ thở điều hoà là thần khí bình thường •

- Đại tiểu tiện: Đại tiện táo bón: tràng vị quá nhiệt. Lỏng kéo dài: Tỳ vị hư hàn. Phân máu mũi: Đại tràng thấp nhiệt. Tiểu nhiều trong dài: Thận khí hư. Nước tiểu đục: Bàng quang thấp trọc, sốt cao tiểu ít: Tân dịch hao tổn.

**V. THIẾT CHẨN**

Xem mạch: > 3 tuổi xem mạch thường để ngón cái xem cả 3 bộ. Sờ nắn bụng: Thiện án hay cự án, có tích tụ không? Sờ nắn tay chân, cơ nhục: Cơ nhục nhẽo hay chắc?

Mu bàn tay nóng: Ngoại cảm. Lòng bàn tay nóng là: Nội thương, âm hư.

Người vã mồ hôi chân tay lạnh là chứng hư thoát.

Sờ thóp: Thóp lâu liền là tiên thiên không đầy đủ, còi xương, thuộc hư.

**VI. CÁC ĐẶC ĐIỂM VỀ PHƯƠNG PHÁP CHỮA BỆNH**

- Vì bệnh tật ở trẻ em phát triển và biến hoá nhanh chóng nên việc chữa bệnh bằng các phương pháp khác nhau phải kịp thời không để bệnh kéo dài.

\* Một số điểm cần chú ý khi dùng thuốc.

- Dùng thuốc phải kịp thời, không nên sử dụng thuốc bừa bãi: Thường bệnh ở trẻ nhỏ có tính chất đơn thuần, một số chứng bệnh có thể dùng các phương pháp chữa không dùng thuốc như xoa bóp, châm cứu, mai hoa châm.

Hầu hết các vị thuốc đều có tính chất thiên thắng (hoặc hàn hoặc nhiệt, hoặc âm hoặc dương) nên khi dùng phải thận trọng để tránh làm tổn hại đến chính khí của cơ thể trẻ em.

- Không nên dùng vị thuốc quá hàn, quá nhiệt, thuốc xổ mạnh.

Thuốc đắng lạnh làm tổn thương đến vị khí, sinh khí. Thuốc cay nóng tổn thương đến dịch, phần âm.

Khi cần thiết phải sử dụng, không được dùng kéo dài và phải phối họp với thuốc kiện tỳ ích khí hay thuốc dưỡng âm sinh tân dịch tuỳ theo tính chất hàn nhiệt của thuốc.

Nên tinh chế, dùng dạng bào chế dễ uống, dùng lượng ít nhưng tác dụng mạnh. Chú ý đến liều lượng thuốc dùng, so với người lớn lượng dùng trẻ em giảm nhiều.

Ngoài ra cần chú ý đến vấn đề chăm sóc cho trẻ bị bệnh về các mặt ăn uống, vệ sinh cá nhân, nhà ở, ánh sáng .V.V..

**SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM**

Mục tiêu bài giảng:

1. Trình bày được khái niệm suy dinh dưỡng trẻ em theo YHCT.

2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của từng thể suy dinh dưỡng theo YHCT.

3. Trình bày được các bài thuốc điều trị, phòng bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng theo YHCT.

**I. ĐẠI CƯƠNG**

Bệnh SDD ở trẻ em, y học dân tộc thường gọi là chứng cam. Bệnh này luôn có sự liên quan đến sự hoạt động tiêu hoá thất thường (Tích trệ đồ ăn, trùng tích) nên YHCT còn gọi là cam tích.

Khả năng chữa SDD trẻ em bằng YHCT đem lại kết quả tốt. SDD Độ I chữa như ỉa chảy. Độ II, ỉa chảy suy dinh dưỡng, y học dân tộc gọi là tỳ hư gây chứng cam: Độ III gọi là can cam (can là khô).

**II. PHÂN LOẠI CHỮA BỆNH**

1.1. Ỉa chảy suy dinh dưỡng: Do tỳ hư còn gọi là tỳ cam (Suy dinh dưỡng độ II).

1.1.1. Triệu trứng: Mặt vàng, người gầy, miệng khô, khát nước, triều nhiệt, sôi bụng, ỉa chảy. Có trường hợp do tân dịch giảm gây âm hư sinh táo bón, bụng to, gân xanh nổi lên, nước giải đặc trắng, rêu lưỡi trắng.

1.1.2. Phương pháp chữa: Bổ khí, bổ tỳ vị là chính.

Bài thuốc:

Bài 1:

Bạch truật 08g Sa nhân 04g

Ý dĩ 10g Cam thảo nam 08g

Hoài sơn 12g Mạch môn 08g

Bài 2:

Bạch truật 08g Chỉ thực 04g

Hoài sơn 08g Trần bì 04g

Hạt đỗ ván trắng 08g Kê nội kim 06g

Nếu tích trệ đồ ăn, bụng chướng thêm: Đại phúc bì 04g, Sơn tra 04g, Thần khúc 04g.

Nếu do giun gây tích trệ, đau bụng thêm: Sử quân tử 04g.

Bài 3: Tiêu cam lý tỳ thang gia giảm

Bạch truật 08g Nga truật 04g

Trần bì 04g Thanh bì 04g

Binh lang 04g Lô hội 02g

Cam thảo 04g Sử quân tử 04g

Hồ hoàng liên 06g Hoàng liên 04g

Thần khúc 08g Mạch nha 08g

Tam lăng 04g

Bài 4: Nếu suy dinh dưỡng, ỉa chảy do giun dùng bài: Lô hội phì nhi hoàn gia giảm.

Hồ hoàng liên 40g Mạch nha 60g

Lô hội 05g Vu di 40g

Hoàng liên 40g Biển đậu 80g

Ngân sài hồ 16g Sơn tra 40g

Sơn dược 80g Bạch đậu khấu 40g

Xạ hương 05g Sử quân tử 80g

Binh lang 20g Thần khúc 80g

Tán nhỏ làm viên, uống một ngày 04 - 08g.

1.2. Suy dinh dưỡng thể khô: Do khí huyết hư, can thận hư, YHCT gọi là can cam (SDD độ III).

1.2.1. Triệu chứng: Người gầy, da khô, bộ mặt người già, tinh thần mệt mỏi, ăn kém, tiếng khóc nhỏ, rêu lưỡi mỏng khô, lông tóc khô. Ngoài ra còn các triệu chứng khác: khô loét giác mạc, loét miệng, lắng đọng sắc tố, tử ban, phù thũng...

1.2.2. Phương pháp chữa: Bổ khí huyết, bổ can thận tỳ vị.

Bài thuốc:

Bài 1:

Thục địa 12g Bạch truật 08g

Hà thủ ô 08g Ngũ gia bì 08g

Kê huyết đằng 08g Liên nhụ c 08g

Ý dĩ 08g Kê nội kim 06g

Đỗ đen 08g

Bài 2: Bát trân thang gia giảm

Đẳng sâm 08g Xuyên khung 06g

Phục linh 06g Xuyên quy 08g

Bạch truật 08g Thục địa 08g

Cam thảo 04g Bạch thược 08g

- Nếu loét, khô giá mạc thêm Kỷ tử 08g, Cúc hoa 08g hoặc uống viên kỷ cúc địa hoàng hoàn 12 – 16g/ngày.

- Nếu loét miệng, thêm Ngọc trúc 06g, Thăng ma 06g, Hoàng liên 04g.

- Nếu tử ban, lắng đọng sắc tố thêm Hoàng kỳ, A giao, nếu có sốt mà xuất huyết, thêm sinh địa 12g, Đan bì 6g, Rễ cỏ tranh 12g.

- Nếu có phù dinh dưỡng thêm: Quế chi 02g, Phục linh 12g.

**III. CHỮA SUY DINH DƯỠNG BẰNG CHÂM CỨU**

**3.1. Thường dùng phép cứu các huyệt**: Tâm du, Tỳ du, Vị du, Cao hoang, Túc tam lý, Tam âm giao.

3.2. Châm huyệt Tứ phùng: Dùng kim Tam lăng châm vào huyệt Tứ phùng ở hai bàn tay, sâu chừng 1/10 thốn, nặn dịch bạch huyết, ngày một lần. Chú ý không để chảy máu.

\* Kết luận:

- Bệnh suy dinh dưỡng trẻ em chữa bằng các phương pháp y học dân tộc đem lại kết quả tốt.

- Người xưa cho rằng, người từ 15 tuổi trở lên mà suy nhược gọi là hư lao, trẻ nhỏ dưới 15 tuổi trở xuống bị suy dinh dưỡng gọi là cam tích.

- Khi đã bị suy dinh dưỡng thì hoạt động về khí huyết tân dịch của tạng phủ đều giảm sút nên tuỳ các triệu chứng của các tạng phủ mà người xưa còn gọi các tên khác nhau: Tỳ cam, phế cam, tâm cam, thận cam.v.v.. Khi chữa bệnh ngoài việc bồi bổ khí huyết là chính người ta còn thêm các vị thuốc chữa bệnh về tỳ, can, phế, thận.v.v..

+ Thí dụ có tài liệu lấy bài thuốc: Tập thánh hoàn làm trung tâm rồi gia giảm theo chứng cam ở các tạng phủ:

Lô hội 02g Mộc hương 06g

Ngũ linh chi 04g Sử quân tử 08g

Dạ minh sa 04g Nga truật 06g

Sa nhân 06g Hoàng liên 06g

Trần bì 06g Thịt cóc 12g

Xuyên khung 06g Thanh bì 06g

Xuyên quy 08g

- Tán nhỏ hoà với nước mật lợn làm viên mỗi ngày uống 6- 8g \* Gia giảm:

 - Tỳ cam: Dùng bài trên

- Can cam: Co giật bỏ: Nga truật, Sa nhân, Trần bì, thêm: Chi tử, Phòng phong, Thiên ma, Thuyền thoái.

- Tâm cam: Bỏ trần bì, Sa nhân, Mộc hương, Thanh bì, thêm: Sinh địa, Phục linh.

- Thận cam: Bỏ sa nhân, Thanh bi, thêm: Thục địa, Phục linh, Hoài sơn, Đan bì, Trạch tả.

- Phế cam: Bỏ trần bì, Sa nhân, Mộc hương, Xuyên khung, thêm: Tang bạch bì, Cát cánh, lá tía tô, A giao.

**ỈA CHẢY TRẺ EM**

Mục tiêu bài giảng:

1. Trình bày được khái niệm ỉa chảy trẻ em theo YHCT.

2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của từng loại ỉa chảy theo YHCT.

3. Trình bày được các bài thuốc điều trị, phòng bệnh và chăm sóc ỉa chảy trẻ em theo YHCT.

**I. ĐẠI CƯƠNG**

Ỉa chảy trẻ em còn gọi là chứng rối loạn tiêu hoá thực tích, tích trệ.

Nguyên nhân gây bệnh do ăn uống, nhiễm khuẩn, nhiễm giun làm tổn thương đến công năng hoạt động của tỳ vị gây các triệu chứng chủ yếu: Nôn, ỉa chảy, gầy mòn. Bệnh có thể gặp cấp tính hoặc mãn tính. Bệnh tiêu chảy cấp thường gặp ở trẻ dưới 5 tuổi, đặc biệt là trẻ dưới 2 tuổi. Trẻ mắc bệnh này thường bị hai nguy cơ đe dọa là:

- Mất nước và điện giải nếu kkông được bù đắp kịp thời sẽ gây ra tử vong do mất nước và điện giải.

- Làm giảm hấp thu các chất dinh dưỡng ở ruột gây ỉa chảy kéo dài và suy dinh dưỡng cũng sẽ dẫn đến tử vong.

Các phương pháp điều trị bằng y học cổ truyền chỉ thích hợp với chứng ỉa chảy cấp tính đơn thuần và ỉa chảy mãn tính do tỳ hư. Còn ỉa chảy cấp tính do nhiễm khuẩn có biến chứng nhiễm độc thần kinh do mất nước và điện giải thì phải dùng các phương pháp chữa bệnh của y học hiện đại.

**II. CHỨNG ỈA CHẢY CẤP**

***2.1. Nguyên nhân do thấp nhiệt:***

Do nhiễm khuẩn trực tiếp đường tiêu hoá hoặc do dị ứng nhiễm khuẩn.

*2.1.1. Triệu chứng*: Trẻ ỉa nhiều lần một ngày (có thể trên 10 lần) phân lỏng toàn nước, mùi khẳn. Toàn trạng trẻ sốt, nôn mửa, sôi bụng, bụng trướng, tiểu tiện ít đỏ, rêu lưỡi vàng hoặc trắng khô, hậu môn đỏ rát.

*2.1.2.* Phương pháp chữa: Thanh nhiệt trừ thấp.

*2.1.3.* Bài thuốc: Cát căn cầm liên thang.

Cát căn 12g Hoàng liên 08g

Hoàng cầm 08g Cam thảo 04g

Nếu thiên về thấp: Rêu lưỡi trắng dày, ỉa chảy nhiều nước, buồn nôn hoặc nôn gia: Thương truật 04g; Bán hạ chế 04g. Đi tiểu ít gia: Phục linh 08g; Sa tiền 08g.

***2.2. Nguyên nhân do hàn thấp***

2.2.1. Triệu chứng: Trẻ ỉa nhiều lần một ngày phân lỏng toàn nước. Toàn trạng trẻ sốt, nôn mửa, sôi bụng, bụng trướng, tiểu tiện trong, rêu lưỡi trắng hoặc vàng mỏng, hậu môn không đỏ.

2.2.2. Phương pháp chữa: Phương hương hóa thấp.

2.2.3. Bài thuốc: Hoắc hương chính khí tán

Hoắc hương 12g Bán hạ 8-12

Cát cánh 8-12g Bạch chỉ 8-12

Phục linh 8-12g Đại phúc bì 8-12

Hậu phác 6-10g Chích thảo 4g

Tô diệp 8-12g

Bạch truật 8-12g

Tán: 6-12 g/1 hòa với nước gừng, đại táo

**III. CHỨNG ỈA CHẢY KÉO DÀI**

3.1. Nguyên nhân: Do tỳ hư gây ra (thường gặp do rối loạn tiêu hoá loạn khuẩn.)

3.2. Triệu chứng: Ỉa chảy kéo dài, phân sống ỉa ngày 2-3 lần. Trẻ em chậm lớn, người gầy yếu, mệt mỏi, ăn kém sắc mặt vàng, tự ra mồ hôi hay ra mồ hôi trộm, rêu lưỡi trắng, ướt.

3.3. Phương pháp chữa: Ôn bổ tỳ vị.

3.4. Bài thuốc: Sâm linh bạch truật tán.

Đảng sâm 20g Liên nhục 16g

Bạch linh 16g Sơn dược 16g

Bạch truật 16g Cát cánh 08g

Sa nhân 08g Biển đậu 16g

Cam thảo 06g Ý dĩ 16g

Trần bì 08g

*Châm cứu:* Dùng các huyệt: Thiên khu; Quan nguyên; Túc tam lý; Âm lăng tuyền. Mỗi ngày châm 1 lần, mỗi lần 2- 3 huyệt.

Nếu sốt: Châm Nội đình, ỉa nhiều sợ truy mạch có thể cứu Thần khuyết, cách muối nhiều lần, liên tục.

**IV. CHỨNG TÍCH TRỆ**

**4.1. Tích trệ đồ ăn:**

4.1.1. Nguyên nhân: Do ăn uống quá nhiều không tiêu hoá kịp.

4.1.2. Triệu chứng: Trẻ bú ít, nôn mửa, hay quấy khóc. Bụng đầy chướng, ỉa chảy mùi chua, phân sống. Rêu lưỡi trắng hoặc hơi vàng, mạch hoạt, chỉ tay chìm.

4.1.3. Phương pháp chữa: Tiêu thực đạo trệ.

4.1.4. Bài thuốc:

 Bài 1:

Sơn tra 08g Trần bì 04g

Mạch nha 08g Hạt cải củ 04g

Thần khúc 10g Ý dĩ 12g

Kê nội kim 04g

Sắc uống hay tán bột làm viên, mỗi ngày uống từ 12 – 16g.

Bài 2: Nếu trẻ em còn bú nguyên nhân do tích sữa không tiêu thì dùng bài Tiêu nhũ hoàn.

Hương phụ 80g Mạch nha 40g

Sa nhân 20g Thần khúc 40g

Trần bì 10g Chích thảo 20g

Tán bột ngày uống 04- 06g chia làm 2 lần.

Bài 3: Bảo hoà hoàn thang gia giảm:

Sơn tra 06g Trần bì 04g

Thần khúc 06g Bán hạ chế 04g

Hạt cải củ 04g Phục linh 06g

Mạch nha 06g Liên kiều 06g

Nôn mửa gia: Hoăc hương 04g; Trúc nhự 06g. Sôt: Hoàng liên 04g.

Ỉa chảy nhiều: Trạch tả 06g. Khát nước: Bỏ Trần bì; Bán hạ gia: Thiên hoa phấn.

Bai 4: Mộc hương hoàn

Mộc hương 12g Hoàng liên 12g

Bạch truật 12g Sơn tra 06

Mạch nha 12g La bạc tử 08g

Liên kiều 08g Trần bì 12g

Chỉ thực 12g Thần khúc 12g

Sa nhân 08g

Tán nhỏ làm viên ngày uống 04 - 08g.

Bài 5: Nếu trẻ sức khoẻ yếu (Hư chứng) có thể dùng bài: Sâm linh bạch truật tán, ngày uống từ: 06- 12g.

**4.2. Do trùng tích:**

4.2.1. Nguyên nhân: Do giun đũa hoặc giun kim.

4.2.2. Triệu chứng: Trẻ ngứa ngáy, da vàng khô, hay quấy khóc, hay lên cơn kinh giật, ăn uống thất thuờng, buồn nôn, đau bụng, bụng chướng, đại tiện lỏng.

4.2.3. Phương pháp chữa: Kiện tỳ trừ thấp, trừ trùng.

4.2.4. Bài thuốc:

Đảng sâm 16g Sử quân tử 16g

Hoàng liên 10g Chích thảo 06g

Sơn tra 12g Phục linh 12g

Bạch truật 20g Thần khúc 16g

Lô hội 02g Mạch nha 10g

Tán nhỏ làm viên mỗi ngày uống 8- 12g.

**VIÊM PHỔI TRẺ EM**

Mục tiêu bài giảng:

1. Trình bày được khái niệm viêm phổi trẻ em theo YHCT.

2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của từng thể viêm phổi theo YHCT.

3. Trình bày được các bài thuốc điều trị, phòng bệnh và chăm sóc trẻ em bị viêm phổi theo YHCT.

**I. ĐẠI CƯƠNG**

 Viêm phổi trẻ em là một bệnh gây ra các triệu chứng chủ yếu: sốt, ho khó thở, hay gặp về mùa đông xuân ở các trẻ em cơ thể suy yếu hoặc biến chứng của các bệnh truyền nhiễm như sởi, ho gà, v.v... YHCT cho rằng viêm phổi là một trong các loại bệnh ôn nhiệt.

Nguyên nhân do phong hàn, phong nhiệt, đàm nhiệt xâm nhập vào phế, làm phế khí bị trở ngại gây ho, khó thở, sốt cao, nếu nhiệt độc mạnh vào doanh huyết làm trở ngại đến sự vận hành của huyết gây chứng: sắc mặt xanh, tím tái ở đầu chi, nếu sốt cao có thế gây hôn mê co gật, nếu chính khí quá suy yếu có thể xuất hiện chứng truy mạch: Ra mồ hôi nhiều, chân tay lạnh, mạch nhanh nhỏ muốn mất.

**II. PHÂN LOẠI BỆNH THEO CÁC THỂ BỆNH VÀ CÁCH CHỮA**

**2.1. Thể phong hàn:**

2.1.1. Triệu chứng: Sốt, ho, sợ rét, không có mồ hôi, ho nặng tiếng, cổ có đờm, khó thở, cánh mũi phập phồng, miệng không khát, ăn kém, rêu lưỡi trắng, mạch phù khẩn.

2.1.2. Phương pháp: Tuyên phế khí, tán hàn tà.

Bài thuốc:

Bài 1:

Tử tô 06g Kim ngân hoa 12g

Bách bộ 06g Bồ công anh 12g

Tang bạch bì 06g Cỏ nhọ nồi 12g

Trần bì 06g

Bài 2: Hoa cái tán

Ma hoàng 02g Tang bạch bì 06g

Chích thảo 02g Tử tô 04g

Hạnh nhân 06g Trần bì 04g

Phục linh 08g

Bài 3: Tam ấm thang gia giảm

Ma hoàng 02g Tử uyển 06g

Hạnh nhân 04g Tiền hồ 06g

Cam thảo 04g Bạch tiền 04g

Bách bộ 06g

**2.2. Thể phong nhiệt độc**

2.2.1. Triệu chứng: Sốt cao, sợ gió, thở nhanh gấp, mũi phập phồng, ho đờm vàng, ra mồ hôi ít, mặt đỏ, môi hồng, họng khô, miệng khát, nước tiểu đỏ, lưỡi khô rêu vàng, mạch phù sác.

2.2.2. Phương pháp chữa: Tuyên phế hóa đàm, thanh nhiệt giải độc.

Bài thuốc:

Bài 1:

Kim ngân hoa 16g Lá tre 12g

Hoàng liên 08g Tử tô 08g

Sài đất 10g Tang bạch bì 08g

Thạch cao 20g

Bài 2: Ma hạnh thạch cam thang gia: Hoàng liên, Hoàng cầm, Liên kiều, Kim ngân hoa.

Ma hoàng 04g Hạnh nhân 04g

Thạch cao 20g Cam thảo 04g

Hoàng liên 06g Liên kiều 06g

Hoàng cầm 06g Kim ngân hoa 12g

Bài 3: Nếu nặng dùng bài Bạch hổ thang gia: Ngân hoa, Hoàng liên, Liên kiều, Tang bạch bì, Hoàng cầm

Thạch cao 20g Hoàng liên 06g

Tri mẫu 06g Liên kiều 06g

Cam thảo 06g Tang bạch bì 08g

Ngân hoa 06g Hoàng cầm 06g

***2.3. Thể đàm nhiệt:***

2.3.1. Triệu chứng: Bệnh nhân khó thở nhiều, sốt cao, phiền táo, thở gấp, cánh mũi phập phồng, sắc mặt xanh, khò khè suyễn, nặng nữa có thể hôn mê, co giật, gáy cứng, nước tiểu vàng ít, táo bón, chất lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch hồng sác.

2.3.2. Phương pháp chữa: Thanh nhiệt giải độc, tuyên phế trừ đàm.

Bài thuốc:

Bài 1: Đình lịch đại táo tả phế thang phối hợp với bài: Ma hạnh thanh cam thang

Đình lịch 08g Hạnh nhân 06g

Đại táo 12g Cam thảo 04g

Ma hoàng 04g Thạch cao 20g

Bài 2: Thanh tâm dịch đàm thang

Nhân sâm 06g Hoàng liên 06g

Nam tinh chế 04g Cam thảo 04g

Bán hạ chế 04g Chỉ thực 04g

Gừng sống 04 Mạch môn 08g

Xương bồ 08g Phục linh 08g

Trần bì 04g Trúc nhự 06g

Táo nhân 06g

2.4. Thể phế hư:

2.4.1. Triệu chứng: Sắc mặt trắng bệch ra, khó thở, trán có mồ hôi, hai mắt không có thần, người gầy, chân tay lạnh, đại tiện lỏng, mạch có khi muốn mất, biểu hiện chứng dương khí thoát (trụy mạch)

2.4.2. Bổ thổ sinh kim cứu thoát

Bài thuốc: Nhân sâm ngũ vị thang

 Nhân sâm 06g Bạch truật 08g

 Phục linh 08g Ngũ vị tử 06g

 Mạch môn 12g Chích thảo 04g

 Đại táo 08g Sinh khương 04g

2.5. Chữa bệnh phổi ở trẻ em bằng châm cứu:

Huyệt chung: Xích trạch, Liệt khuyết, Phế du, Khúc trì, Chiên trung, Thiên đột.

- Đờm nhiều thêm: Phong long, Thái uyên.

- Co giật: Thái xung, Thần môn

- Hôn mê: Nhân trung, Nội quan

- Trụy mạch cứu: Quan nguyên Khí hải.

**CO GIẬT TRẺ EM**

Mục tiêu bài giảng:

1. Trình bày được khái niệm co giật trẻ em theo YHCT.

2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của từng thể co giật.

3. Trình bày được các bài thuốc điều trị, phòng bệnh và chăm sóc trẻ em bị co giật theo YHCT.

**I. ĐẠI CƯƠNG**

Co giật trẻ em YHCT gọi là chứng kinh phong, là một chứng bệnh thuộc diện cấp cứu, do nhiều nguyên nhân khác nhau gây ra.

Y học cổ truyền chia làm 2 loại: Co giật có sốt và co giật không có sốt. Co giật có sốt thường do viêm nhiễm: Viêm não, màng não, chấn thương, tắc mạch não, xuất huyết não...Co giật không sốt như: Hạ can xi huyết, hạ đường huyết, ngộ độc thức ăn, động kinh...

Y học dân tộc căn cứ vào tính chất hàn, nhiệt, hư thực và tính chất hoãn cấp của quá trình phát sinh bệnh và chia ra 2 thể cấp và mạn gọi là cấp kinh phong và mạn kinh phong.

Chứng co giật trẻ em cần cấp cứu kịp thời bằng phương pháp tổng hợp của y học hiện đại và y học cổ truyền (săn sóc, thuốc, châm, phương tiện cấp cứu...)

**II. PHÂN LOẠI CÁC THỂ BỆNH CO GIẬT TRẺ EM VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỮA BỆNH Y HỌC DÂN TỘC**

**2.1. CẤP KINH PHONG**

Chứng cấp kinh phong thuộc nhiệt chứng và thực chứng có những biểu hiện lâm sàng sau: Phát bệnh nhanh, hôn mê co giật, hai mắt trực thị, hàm răng cắn chặt, gáy cứng tay chân co quắp do 4 chứng: Đàm, nhiệt, phong, kinh gây ra

Phương pháp chữa cơ bản là sơ phong thanh nhiệt, khai khiếu hoát đàm

(hoát = kéo ra), bình can trấn kinh.

Có tài liệu căn cứ vào 4 chứng: Đàm, nhiệt, kinh, phong mà chia ra 4 thể riêng biệt nhưng trên thực tế các chứng trên hay phối hợp xuất hiện nên việc vận dụng vào công tác chữa bệnh có khó khăn. Gần đây nhiều tài liệu phân loại sát với các nguyên nhân của y học hiện đại và căn cứ vào mức độ nặng nhẹ, vị trí nông sâu của bệnh vì vậy việc vận dụng để chữa bệnh có dễ dàng hơn.

*2.1.1. Kinh phong do ngoại cảm hay ngoại phong.*

- Gặp ở các trường họp co giật nhưng không hôn mê, sốt cao co giật, hội chứng não cấp, viêm màng não, viêm não ở thời kỳ đầu.

Triệu chứng: Phát bệnh nhanh, có biến chứng, sốt, phiền táo, có khi nôn mửa, đột nhiên gáy cứng, chân tay co quắp, tinh thần không minh mẫn.

Phương pháp chữa: Sơ phong chỉ kinh.

Bài 1:

Sinh địa 12g Câu đằng 12g

Lá tre 16g Lá vông 12g

Mạch môn 12g Cương tàm 08g

Chi tử 10g Bạc hà 08g

Bài 2: Ngân kiều tán gia giảm

Ngân hoa 16 g Cát cánh 08g

Liên kiều 12g Bạc hà 08g

Đậu xị 12g Trúc diệp 16g

Ngưu bàng tử 08g Cam thảo 4g

Kinh giới 12g

Bài 3: Nếu có nôn mửa, rêu lưỡi trắng nhớt, dính, dùng bài trên gia: Hương nhu 12g, Hoắc hương 08g, Xương bồ 04g.

Hoặc dùng bài: Hương nhu ẩm gia giảm.

Hương nhu 12g Hậu phác 08g

Ngân hoa 16g Liên kiều 08g

Biển đậu 12g

Nếu không có mồ hôi (mùa đông – xuân) them Cát căn 16g.

2.1.2. Kinh phong do thực nhiệt hay nội phong

Là các trường hợp hôn mê co giật do sốt cao, gặp thời kỳ toàn phát các hội chứng nhiễm độc não, viêm não, viêm màng não.

Triệu chứng: Sốt cao, hôn mê, co giật, rêu lưỡi vàng, chất lưỡi đỏ khô.

Phương pháp chữa: Thanh nhiệt giải độc, tả hoả, bình can tức phong (thanh nhiệt tức phong).

Bài thuốc:

 Bài1:

Câu đằng 16g Thạch cao 20g

Sinh địa 20g Thảo quyết minh 20g

Cúc hoa  12g

Mắt đỏ thêm Long đởm thảo 08g, khò khè do ứ đọng dịch tiết thêm: Trúc lịch 30ml. Lưỡi đỏ, miệng khô: Mạch môn 12g, Thiên hoa phấn 12g.

Bài 2: Thanh ôn bại độc ẩm gia giảm:

Thạch cao 40g Đan bì 08g

Sinh địa 12g Tri mẫu 08g

Sừng trâu 12g Xích thược 08g

Hoàng liên 08g Huyền sâm 12g

Chi tử 08g Liên kiều 12g

Hoàng cầm 08g Cam thảo 04g

Trúc diệp 16g

- Ứ đọng dịch tiết: Xương bồ 08g, Bán hạ 08g, Trúc lịch 30ml, Trần bì 06g.

- Trụy mạch ngoại biên thêm: Nhân sâm 04g, Phụ tử chế 04g, Long cốt 08g, Mẫu lệ 08g (Bài Sâm phụ long mẫu thang). - Táo bón thêm: Đại hoàng 08g

2.1.3. Kinh phong do thấp nhiệt

Do trúng độc não, các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá như lỵ trực khuẩn.

Triệu chứng: Sốt cao, phiền táo, hôn mê, co giật, bụng đầy chướng, đi ngoài lỏng phân thối hoặc như nước rửa thịt, rêu lưỡi nhờn, chất lưỡi đỏ, mạch hoạt sác.

Phương pháp chữa: Thanh nhiệt trừ thấp, giải độc.

Bài 1: Hoàng liên giải độc thang gia giảm

Hoàng liên 12g Chi tử 08g

Hoàng cầm 12g Hoàng bá 12g

Bài 2: Bạch đầu ông thang gia giảm

Bạch đầu ông 16g Trần bì 12g

Hoàng bá 12g Hoàng liên 12g

Gia thêm: Mộc hưong 08g, Hậu phác 08g, Câu đằng 12g.

Nếu trụy mạch, dùng bài Sâm phụ long mẫu thang (đã nêu ở mục trên).

2.1.4. Kinh phong do sợ hãi, sau khi ngã, động kinh uốn ván.

Triệu chứng: Trẻ vốn yếu, có sốt nhẹ hoặc không sốt, tay chân lạnh, ngủ ít hay kinh hoảng, tinh thần không tỉnh táo, thỉnh thoảng tay chân co quắp, sắc mặt xanh, hay ra mồ hôi, mạch tế sác.

Phương pháp chữa: An thần trấn kinh.

Bài 1:

Hoài sơn 12g Táo nhân 06g

Mạch môn 10g Cam thảo dây 10g

Bán hạ chế 08g Xương bồ 06g

Chu xa 06g

Chu xa gói riêng uống với nước sắc các vị thuốc trên.

Bài 2: Viễn chí hoàn:

Viễn chí 06g Long cốt 12g

Xưong bồ 06g Đảng sâm 12g

Phục linh 08g Chu xa 06g

Chu xa gói riêng uống với nuớc sắc các vị thuốc trên.

Tán nhỏ hoàn viên ngày uống 20g chia 2- 3 lần.

Bài 3: Nếu tâm thần không yên, vật vã, co giật nhiều uống bài: Chỉ kinh tán hay bài: Trấn kinh hoàn Chỉ kinh tán:

Toàn yết 06g Cương tàm 12g

Ngô công 06g Thiên ma 12g

Tán nhỏ sắc hay làm viên uống 04g/ ngày chia làm hai lần uống.

Trấn kinh hoàn:

Long đờm thảo 06g Long nhãn 10g

Xạ hương 02g Câu đằng 08g

Hoàng liên 04g Ngưu bàng 06g

Phòng phong 06g Thanh đại 04g

**2.2. MẠN KINH PHONG**

Chứng mạn kinh phong xuất hiện sau khi bị nhiễm khuẩn cấp tính, rối loạn công năng các tạng phủ, âm duơng, khí huyết, tân dịch, đặc biệt là các tạng tỳ, thận và phần khí, phần âm.

Chứng mạn kinh phong kéo dài không khỏi chữa dai dẳng, có những lúc do duơng khí suy bại, can phong nội động gây chứng truy mạch nguy hiểm đến tính mạng bệnh nhân.

Chứng mạn kinh phong thuộc hàn chứng và hư chứng, có những biểu hiện lâm sàng sau: Tinh thần uể oải, sắc mặt vàng hoặc trắng bệch, tay chân lạnh hoặc lòng bàn tay chân nóng( âm hư), thỉnh thoảng co giật, thở yếu, nông, mắt dao động, tay chân run, có khi nôn mửa ỉa chảy.v.v..

2.2.1. Kinh phong do tỳ hư:

Hay gặp ở chứng lao màng não, rối loạn điện giải: Như hạ canxi máu.

Triệu chứng: Tinh thần không tỉnh táo, sắc mặt hơi vàng, đại tiện lỏng, tay chân lạnh, mắt hơi phù, thỉnh thoảng co giật, rêu lưỡi trắng, miệng nhạt, mạch nhu.

Phương pháp chữa: Ôn trung kiện tỳ, tức phong.

Bài thuốc:

Bài 1:

Can khương 05g Hoài sơn 12g

Bạch truật 12g Cam thảo 04g

Nếu co giật thêm: Câu đằng 12g, Thiên ma 08g, Bạch thược 08g.

2.2.2. Kinh phong do thận, tỳ đều hư:

Hay gặp ở giai đoạn sau của viêm não, lao màng não, suy dinh dưỡng nặng, rối loạn điện giải như hạ canxi máu, hoặc truy mạch sau khi bệnh kéo dài.

Triệu chứng: Tinh thần uể oải, sắc mặt trắng bệch, tay chân run, đại tiện lỏng, rêu lưỡi mỏng trắng, chất lưỡi nhạt, mạch trầm tế.

- Nếu bệnh nặng gây truy mạch gọi là dương khí thoát thấy môi xanh, mặt xanh, trán đổ mồ hôi, khó thở, tay chân quyết lạnh, mạch trầm vi muốn tuyệt.

Phương pháp chữa: Ôn bổ tỳ thận, nếu truy mạch (thoát dương) phải hồi dương cứu nghịch.

Bài thuốc: Bải 1: Phụ tử lý trung thang.

Nhân sâm 04g Cam thảo 04g

Bạch truật 12g Phụ tử chế 04g

Can khương 08g

Bài 2: Cố chân thang.

Nhân sâm 8g Hoàng kỳ 08g

Phục linh 8g Hoài sơn 12g

Bạch truật 8g Nhục quế 08g

Cam thảo 4g Phụ tử chế 06g

- Nếu truỵ mạch dùng bài Phụ tử lý trung thang, cố chân thang, trong 2 bài đều dùng Nhân sâm 08g/ ngày, Phụ tử chế 04g/ ngày.

2.2.3. Kinh phong do khí âm đều hư: Gặp di chứng lao màng não, viêm não.

Triệu chứng: Mệt mỏi, vật vã, sắc mặt trắng có lúc đỏ, co giật lúc nặng lúc nhẹ, ta1 chân co quắp hoặc hơi cứng đờ, đại tiện lỏng hay khô, lưỡi ướt không có rêu, chất lưỡi khô, mạch tế sác.

Phương pháp chữa: ích khí dưỡng âm, bình can tức phong.

Bài thuốc:

Bài 1:

Đảng sâm 12g Mạch môn 12g

Xương bồ 06g Thạch hộc 12g

Mai ba ba 12g Ba kích 08g

Bài 2: Đại định phong chân thang:

Bạch thược 12g Ngũ vị tử 06g

A giao 08g Mẫu lệ 12g

Quy bản 12g Mạch môn 12g

Sinh địa 12g Chích thảo 04g

Hạt vừng 08g Miết giáp 08g

Lòng đỏ trứng gà 1 quả

**III. XỬ TRÍ CẤP CỨU CƠN CO GIẬT CẤP BẰNG CÁC PHƯƠNG PHÁP Y HỌC DÂN TỘC**

- Co giật gây nguy hiểm tức thời đến tính mạng bệnh nhân, cần xử trí nhanh chóng phòng các biến chứng ngừng thở, suy hô hấp, suy tuần hoàn bằng cách săn sóc, cắt đứt cơn co giật, hạ sốt bằng mọi phương tiện và phương pháp chữa bệnh sau đó dần dần tìm ra nguyên nhân gây bệnh bằng hỏi bệnh, chẩn đoán lâm sàng, xét nghiệm đế chữa về căn bản chứng gây ra co giật

- Cũng như các phương pháp chống co giật của y học hiện đại, trước hết phải hộ lý săn sóc kịp thời: Để nghiêng đầu, nới lỏng quần áo, nhét gạc giữa hai hàm răng không cho cắn phải lưỡi, duy trì hô hấp điều hòa, cho thở ôxi, hút đờm rãi, giữ yên tĩnh môi trường, tránh kích thích, theo dõi nhịp thở, số lần mạch, nhiệt độ, huyết áp, sắc mặt.... Đồng thời phải cắt cơn co giật, hạ sốt bằng thuốc, châm cứu, vật lý trị liệu.v.v

**3.1. Cắt cơn co giật**

Châm cứu: Nhân trung, Nội quan, Thái xung, Dũng tuyền. Châm tả, kích thích vừa phải, lưu châm 30 phút đến một giờ.

Nhĩ châm: Châm vị trí Thần môn, Vùng duới vỏ. Kích thích vừa phải, lưu châm 30 phút đến 1 giờ?

**3.2. Hạ sốt**: Châm các huỵêt: Khúc trì, Thập tuyên, Hợp cốc.

- Có thể châm chích nặn máu, không lưu châm

**3.3. Tìm nguyên nhân để giải quyết cơn co giật:** Như co giật do hạ canxi máu, do hạ đường huyết... Phải tiêm canxi, truyền Glucose, say sắn tiêm: Glutylen tĩnh mạch. .V.V..

**THẤP TIM**

**Đại cương:**

Bệnh thấp tim thuộc phạm vi các chứng nhiệt tý, chính xung, thuỷ thũng... của YHCT.

Nguyên nhân gây ra bệnh do người bệnh bẩm tố thiên về nhiệt kết hợp với các yếu tố phong thấp, nhiệt bên ngoài mà gây ra bệnh.

Tuỳ theo triệu chứng lâm sàng, bệnh thấp tim được phân loại như sau:'

**I. THỂ VIÊM KHỚP CẤP**

Phong thấp nhiệt còn gọi là nhiệt tý, trên lâm sàng chưa có biểu hiện tổn thưong ở tim.

**1.1. Triệu chứng:**

Sốt cao, có khi sợ lạnh, các khớp sưng nóng đỏ, miệng khát, môi khô, nước tiểu đỏ, rêu lưỡi trắng dày hay vàng, lưỡi đỏ, mạch phù sác.

**1.2. Phương pháp chữa:**

Khu phong thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết lợi niệu trừ thấp.

**1.3. Bài thuốc:**

Bài 1: Cao hy thiêm:

Hy thiêm thảo 100g Ké đẩu ngựa 100g

Thổ phục linh 100g

Săc đặc thành cao, uống trong 1 ngày chia làm 2 lân.

Bài 2:

Hy thiêm thảo 20g Đan sâm 12g

Ké đầu ngựa 20g Tỳ giải 16g

Thổ phục linh 20g Ý dĩ 12g

Kim ngàn 20g Cam thảo nam 12g

Kê huyết đằng 16g

Sẳc uống ngày 1 thang.

Bài 3: Bạch hổ quế chi thang gia giảm:

Thạch cao 20g Hoàng bá 12g

Tri mẫu 12g Thương truật 08g

Quế chi 08g Tang chi 12g

Ngạnh mễ 20g

Sắc uống ngày 1 thang.

Bài 4: Quế chi thược dược tri mẫu thang gia giảm:

Quế chi 08g Ma hoàng 08g

Bạch thược 12g Phòng phong 12g

Tri mẫu 12g Kim ngân hoa 16g

Bạch truật 12g Liên kiều 12g

Cam thảo 06g

Bài 5: Nếu sốt cao kéo dài, có tình trạng mất nước dùng bài thiên kim tê giác thang:

Sừng trâu 12g Nhục đậu khấu 06

Linh dưong giác 10g Tri mâu 12g

Tiên hô 12g Kỷ tử 12g

Huyền sâm 20g Mạch môn 12g

Xạ can 06g Đan bì 10g

Sinh địa 12g Thạch hộc 12g

Hoàng cầm 12g Thăng ma 08g

**1.4. Châm cứu:**

Tại chỗ: Châm các huyệt tại chỗ và lân cận khớp bị đau.

Toàn thân: Phong môn, phong trì, hợp cốc, khúc trì (Khu phong thanh nhiệt) Huyết hải (Hoạt huyết) Túc tam lý, tam âm giao (Trừ thấp).

**II. THỂ VIÊM KHỚP CẤP KÈM THEO CÓ TỔN THƯƠNG TIM**

Viêm cơ tim, viêm nội tâm mạc (Nhiệt tý và tâm tỳ hư).

**2.1. Triệu chứng:**

Sốt, các khớp sưng nóng đỏ đau, lưỡi đỏ, khát nước, hồi hộp trống ngực, thở gấp, rêu lưỡi vàng, mạch tế sác, vô lực hoặc kết đại (Loạn nhịp).

**2.2. Phương pháp chữa:**

Bổ ích tâm tỳ, khu phong thanh nhiệt, hoạt huyết, lợi niệu trừ thấp.

**2.3. Bài thuốc:**

**Bài 1:**

Kim ngân hoa 20 g Đan sâm 12g

Ké đầu ngựa 20g Kê huyết đằng 16g

Thổ phục linh 20g Tỳ giải 16g

Bạch truật 16g Ý dĩ 20g

**Bài 2:** Quy tỳ thang giai giảm

Đảng sâm 16g Long nhãn 16g

Hoàng kỳ 16g Đan sâm 20g

Đương quy 12 g Hoàng cầm 12g

Bạch truật 16g Hoàng bá 12g

Phục thần 12g Kim ngân 20g

Viễn trí 06g Liên kiều 12g

Táo nhân 08g Mộc hương 12g

Bài 3: Nếu có loạn nhịp dùng bài trích cam thảo thang gia giảm (còn gọi là bài phục mạch thang).

Trích cam thảo 12g Quế chi 06g

Đảng sâm 16g Đan sâm 16g

Sinh địa 20g Kim ngân 20g

A giao 12g Liên kiều 12g

Mạch môn 12g Đại táo 12g

Hạt vừng 12g Sinh khương 04g

**2.4. Châm cứu:** Châm như trên, thêm các huyệt: Nội quan, Thần môn.

**II. THỂ VIÊM KHỚP KÈM THEO CÁC HIỆN TƯỢNG SUY TIM**

Nhiệt tý, tâm tỳ hư, khí trệ huyết ứ.

**3.1. Triệu chứng**: Sốt, đau khớp, hồi hộp đánh trống ngực, môi tím thở ngắn, khó thở, gan to, chân phù, lưỡi tím xám hoặc có điểm ứ huyết, mệt mỏi, tiều ít, mạch tế sác hoặc kết đại (Loạn nhịp).

**3.2. Phương pháp chữa**: Khu phong thanh nhiệt, kiện tỳ ích huyết, hành khí hoạt huyết lợi niệu.

**3.3. Bài thuốc:**

Bài 1:

Bạch truật 16g Trạch tả 16g

Đảng sâm 16g Kim ngân 16g

Xuyên khung 12g Thổ phục linh 16g

Nguu tất 12g Mộc hương 06g

Ý dĩ 16g

Bài 2: Bát trân thang gia giảm:

Đảng sâm 16g Thục địa 12g

Phục linh 16g Bach thược 12g

Bạch truật 16g Ngưu tất 12g

Cam thảo 04g Huyền hồ 08g

Xuyên khung 12g Kim ngân 20g

Xuyên quy 12g Thổ phục linh 20g

**3.4. Châm cứu:** Châm các huyệt tại các khóp bị đau (A thị huyệt) và các huyệt an thần: Nội quan, thần môn, tam âm giao.

**DƯƠNG THỦY (Viêm cầu thận cấp)**

**I. ĐẠI CƯƠNG:**

1.1. Danh pháp: Chứng phù thũng (thuỷ thũng).

1.2. Cơ chế sinh bệnh:

Cảm nhiễm phong tà, thuỷ thấp, thấp nhiệt ảnh hưởng đến công năng phế, tỳ thận gây thuỷ dịch ứ đọng sinh chứng thủy thũng.

**II THỂ LÂM SÀNG:**

**2.1. Phong thuỷ** (viêm cầu thận cấp do lạnh, do viêm nhiễm).

*2.1.1. Triệu chứng*: Phù mặt và nửa người trên, sau đó phù toàn thân, thấy kèm theo biểu chứng: Gai sốt rêu lưỡi trắng dầy, tiểu tiện ít, mạch phù.

*2.1.2. Pháp chữa*: Tuyên phế phát hãn chủ đạo, lợi thuỷ.

*2.1.3. Bài thuốc:*

- Cổ phương: Việt tỳ thang gia giảm

Ma hoàng 12g Thạch cao 06g

Gừng 06g Bạch truật 12g

Cam thảo 06g Sa tiền 16g

Mộc thông 08g Đại táo 12g

Quế chi 06g

- Đối pháp lập phương:

Ma hoàng 04g Mộc thông 08g

Sinh khương 04g Lá tre 08g

Quế chi 04g Bông má đề 12g

Trạch tả 12g

*2.1.4. Châm cứu:* Châm các huyệt: Ngoại quan, Liệt khuyết, âm lăng tuyền, Khí hải, Phục lưu, Túc tam lý, Hợp cốc.

**2.2. Thuỷ thấp (viêm cầu thận bán cấp)**

2.2.1. Triệu chứng: Phù toàn thân, đi giải ít, sốt nhẹ, rêu lưỡi dầy, mạch trầm hoãn đới sác.

2.2.2. Phép chữa: Thông dương lợi thấp.

2.2.3. Phương dược:

- Cổ phương: Ngũ linh tán

Bạch truật 12g Trạch tả 12g

Bạch linh 12g Trư linh 08g

Quế chi 08g

- Đối pháp lập phương:

Bạch truật 12g Sa tiền tử 12g

Bạch linh 12g Quế chi 08g

Ý dĩ 08g

2.2.4. Châm cứu: các huyệt như trên.

**2.3. Thấp nhiệt:** (viêm cầu thận do mụn nhọt).

2.3.1. Triệu chứng: Phù toàn thân, khát nước nhiều, nước tiểu đỏ ít, da cơ bị viêm nhiễm (sưng, nóng, đỏ, đau), rêu lưỡi vàng, bụng đầy tức, khó thở, mạch hoạt sác.

2.3.2. Phép chữa: thanh nhiệt giải độc trù thấp, phù nặng trục thuỷ.

2.3.3. Phương dược:

- Cổ phương + Việt tỳ thang gia giảm:

Sinh địa 12g Hoàng bá 12g

Mộc thông 12g Bồ công anh 12g

Cam thảo 04g Rễ cỏ tranh 12g

Lá tre 06g Hoàng cầm 12g

+ Châu sa hoàng gia giảm:

Cam toại 04g Thanh bì 10g

Nguyên hoa 04g Trần bì 06g

Đại kích 04g Tân lang 06g

Hắc sửu 02g Khinh phấn 04g

Mộc hương 06g

Tán bột uống mỗi ngày 4g - 6g

- Đôi pháp lập phương:

Hoàng bá 08g Ý dĩ 12g

Hoàng cầm 08g Lá tre 12g

Mộc thông 08g

2.3.4. Châm cứu: Châm các huyệt: thuỷ phân, khúc trì, hợp cốc, tam tiêu du, âm lăng tuyền, phục lưu.

**ÂM THỦY (Viêm cầu thận mạn)**

**I. Đại cương:**

- Danh pháp: chứng thuỷ thũng.

- Cơ chế sinh bệnh: Phong tà, hàn thấp gây chứng phù thũng cấp tính (dương thuỷ), lâu ngày vì mệt nhọc cảm nhiễm, ăn uống không cẩn thận, bệnh không khỏi, hay tái phát làm giảm sút công năng vận hoá thuỷ thấp của tỳ, và công năng khí hoá thuỷ thấp của thận gây nước ứ đọng thành chứng phù thũng mạn tính (Âm thuỷ).

**II. Thể lâm sàng:**

**2.1. Tỳ chứng hư:**

2.1.1. Triệu chứng: Phù ít, không rõ ràng, phù ở mí mắt, sắc mặt trắng xanh, thở gấp, tay chân mỏi mệt, ăn kém, hay đầy bụng, phân nhão, tiểu tiện ít, chất lưỡi bệu in vết răng, chân tay lạnh, mạch hoãn.

2.1.2. Phép chữa: Ôn bổ tỳ dương, lợi niệu.

2.1.3. Phương dược:

- Cổ phương: Thực tỳ ẩm

Phu tử chế 04g Mộc hương 06g

Can khương 04g Thảo quả 08g

Bạch truật 12g Đại phúc bì 08g

Cam thảo 04g Mộc qua 08g

Hậu phác 08g Phục linh 08g

- Đối pháp:

Phụ tử chế 04g Bạch linh 12g

Mộc hương 04g Bạch truật 12g

Cam thảo 04g Ý dĩ 12g

Can khương 04g

2.1.4. Châm cứu: Cứu: Tỳ du, vị du, túc tam lý, tam tiêu du, thuỷ phân.

**2.2. Tỳ thận dương hư**

2.2.1. Triệu chứng: Phù không rõ ràng, phù ít kéo di (nhất là ở mắt cá chân), bụng trướng, nước tiểu ít, sắc mặt trắng xanh, lưỡi bệu, mệt mỏi, lưng mỏi lạnh, chân tay lạnh, sợ lạnh, mạch trầm tế.

2.2.2. Phép chữa: Ôn thận tỳ dương

2.2.3. Phương dược:

 - Cổ phương: Chân vũ thang gia giảm:

Bạch truật 12g Trạch tả 12g

Bạch thược 12g Sa tiền 12g

Bạch linh 12g Trư linh 08g

Phụ tử chế 04g Nhục quế 04g

Can khương 04g

- Đối pháp:

Phụ tử chế 04g Quế nhục 04g

Can khương 04g Phục linh 12g

Bạch truật 12g ý dĩ 12g

Trạch tả 12g

2.2.4. Châm cứu

Cứu các huvệt: quan nguyên, khí hải, tỳ du, túc tam lý, tam âm giao, thận du...

Sau khi đã hết phù, ổn định. Có thể dùng kiện tỳ lợi thấp như: Sâm linh bạch truật tán; hoặc ôn thận lợi thấp như tế sinh thận khí hoàn (tức là bài: Bát vị quế phụ thêm: Ngưu tất, sa tiền tử).

**2.3. Âm hư dương xung:**

2.3.1. Triệu chứng: Phù không nhiều hoặc hết phù, nhức đầu, chóng mặt, hồi hộp trống ngực, miệng khát, môi đỏ, họng khô, chất lưỡi đỏ, mạch huyền sác...

2.3.2. Pháp chữa: Bình can tư âm lợi thuỷ

2.3.3. Phương dược:

- Cổ phương: Kỷ cúc địa hoàng thang gia giảm: Ngưu tất, sa tiền

Thục địa 12g Phục linh 08g

Sơn thù 08g Kỷ tử 12g

Hoài sơn 12g Cúc hoa 10g

Trạch tả 08g Ngưu tất 12g

Đan bì 08g Sa tiền tử 16g

- Đối pháp:

Thục địa 12g Mộc thông 08g

Sơn thù 12g Ý dĩ 12g

Hoài sơn 12g Bông má đề 12g

Trạch tả 08g Trư linh 12g

Bạch linh 12g

2.3.4. Châm cứu: Châm các huyệt: tam âm giao, thái xung, can du, nội quan, thần môn và các huyệt tại chỗ theo chứng.

2.4. Viêm cầu thận mạn tính có URê máu cao.

2.4.1. Triệu chứng:

Lợm giọng buồn nôn, sắc mặt đen, tức ngực, bụng trướng, đại tiện lỏng, tiểu tiện ngắn ít, chất lưỡi bệu, rêu trắng dầy, mạch huyền tế, nhu tế.

2.4.2. Phép chữa: Ôn dương giáng nghịch

2.4.3. Phương dược:

- Bài thuốc:

Phụ tử chế 04g Hậu phác 04g

Đại hoàng 04g Bán hạ chế 04g

Trần bì 08g Sinh khương 06g

Phục linh 12g Đảng sâm 10g

Bạch truật 12g

- Đối pháp:

Phụ tử 04g Cam thảo 04g

Can khương 04g Đảng sâm 06g

Ngô thù du 04g Đại táo 12g

Bán hạ chế 04g

**QUAI BỊ**

**Mục tiêu bài giảng:**

1. Trình bày được khái niệm, bệnh căn, bệnh sinh của bệnh quai bị theo quan điểm của YHCT.

2. Trình bày được các triệu chứng chính về lâm sàng bệnh quai bị theo quan điểm của YHCT.

3. Trình bày được cách điều trị, dự phòng và chăm sóc thích hợp cho bệnh nhân quai bị.

**I. ĐẠI CƯƠNG**

Quai bị là một bệnh truyền nhiễm hay xảy ra ở mùa đông xuân, thường gặp ở trẻ em từ 5 - 9 tuổi, triệu chứng chủ yếu là viêm sưng tuyến mang tai.

Nguyên nhân do dịch độc xâm nhập phế vệ qua mũi họng phạm vào hai kinh thiếu dương đởm và dương, minh vị. Kinh thiếu dương phụ trách phong mộc, kinh dương minh phụ trách táo kim. Tà phong nhiệt xâm phạm vào hai kinh này gây uất kết ở vùng dưới tai, dưới hàm và má.

Đởm và can có quan hệ biểu lý tạng phủ nên khi kinh đởm bị tốn thương làm kinh can cũng bị ảnh hưởng gây ra các triệu chứng của can và kinh can kèm theo: Viêm tinh hoàn, hôn mê co giật ( Biến chứng: Viêm não).

**II. TRIỆU CHỨNG LÂM SÀNG**

**2.1. Trường hợp bệnh nhẹ:**

Bắt đầu thấy ê ẩm vùng dái tai, sau đó: Sưng căng bóng- nóng- đau, có thể thấy phát sốt, sợ lạnh, đau đầu, đau họng, nhai nuốt khó. Sưng tuyến mang tai 1 bên sau 1-2 ngày sưng tiếp bên kia. Thời gian sưng 5 đến 6 ngày rồi khỏi hoàn toàn (tất cả triệu chứng diễn biến từ 6 đến 12 ngày). Bệnh nhân mệt mỏi, nôn mửa. Chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng hoặc hơi vàng, mạch phù sác.

**2.2. Trường họp bệnh nặng** ( Nhiệt độc uất kết).

Sốt cao liên tục, đau nhức dữ dội vùng mang tai, há miệng và nhai nuốt khó khăn, phiền táo, miệng khô khát nước, tiểu tiện ngắn đỏ, đại tiện táo. Chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng dày, mạch hoạt sác hữu lực. Nặng có thể mê man, co giật.

**III. ĐIỀU TRỊ**

**3.1. Thể nhẹ:**

3.1.1. Phương pháp chữa: Sơ phong thanh nhiệt, giải độc, tán kết, tiêu thũng.

3.1.2. Bài thuốc:

Bài 1: Bài thuốc kinh nghiệm

Kinh giới 08g Đảng sâm 12g

Kim ngân hoa 12g Bạch linh 16g

Sài đất 16g Xa tiền 12g

Bồ công anh 16g Thổ phục 12g

Xạ can 12g Tỳ giải 12g

Huyền sâm 12g Cam thảo 06g

Lệ chi hạch 12g Sinh khương 05g

Bải 2: Sài cát giải cơ thang:

Sài hồ 10g Bạch thược 12g

Cát căn 12g Thạch cao 20g

Khương hoạt 08g Cam thảo 05g

Bạch chỉ 10g Sinh khương 06g

Hoàng cầm 08g Đại táo 15g

Cát cánh 10g

Phép gia giảm: - Tuyến mang tai đau, rắn: Xạ can l0g.

 - Viêm tinh hoàn: Hạt vải 12g, Khổ luyện tử 12g.

Bài 3: Hạt giấc giã nát chưng với giấm đắp vào chỗ viêm ngày 2 lần.

3.1.3. Châm cứu:

Châm cứu: Châm tả: Hợp cốc, Giáp xa, Uyển cốt, Ế phong, Dương khê.

Nhĩ châm: Châm vị trí: Tuyến nội tiết, Tuyến mang tai.

**3.2. Thể nặng:**

3.2.1. Phương pháp chữa: Thanh nhiệt, giải độc, nhuyễn kiên, tán kết hoặc Thanh nhiệt, giải độc, tức phong chấn kinh.

3.2.2. Bài thuốc:

Bài 1: Phổ tế tiêu đôc ẩm:

Sài hồ 10g Cương tàm 12g

Thăng ma 10g Hoàng cầm 08g

Liên Kiều 08g Cát cánh 10g

Huyền sâm 12g Trần bì 08g

Ngưu bàng tử 12g Bạc hà 10g

Cam thảo 04g Lệ chi hạch 10g

Sinh khương 05g Mẫu lệ 20g

Bài 2: Thanh ôn bại độc ẩm gia giảm:

Thạch cao 20g Trúc diệp 12g

Sinh địa 16g Cát cánh 12g

Hoàng cầm 08g Đơn bì 08g

Hoàng liên 08g Chi từ 08g

Tri mẫu 10g Lệ chi hạch 16g

Liên Kiều 08g Xa tiền 12g

Huyền sâm 12g Cam thảo 04g

 3.2.3. Châm cứu:

Châm tả: Hợp cốc, Giáp xa, Uyển cốt, Ế phong, Dương khê.

Nhĩ châm: Châm vị trí: Tuyến nội tiết, Tuyến mang tai.

**IV. PHÒNG BỆNH VÀ CHĂM SÓC**

**4.1. Phòng bệnh:**

4.1.1. Phòng đặc hiệu:

Tiêm vaccin sống giảm độc lực (kết hợp với các vacin khác như sởi, ho gà). Vaccin cho miễn dịch tốt, không có tai biến, bảo vệ được 3 đến 5 năm.

Phụ nữ có thai bị bệnh nếu có điều kiện tiêm Globulin miễn dịch đặc hiệu liều 0,3mg/kg dùng 1 liều duy nhất tiêm bắp.

4.1.2. Phòng không đặc hiệu:

Rất khó đạt hiệu quả vì bệnh có thể lây 6 ngày trước khi viêm tuyến mang tai.

Cần phát hiện và cách ly sớm bệnh nhân hạn chế lây lan, tránh tiếp xúc với người bệnh.

Nâng cao thể trạng nhằm nâng cao chính khí hạn chế tà khí xâm phạm gây bệnh.

Mang khẩu trang khi tiếp xúc với bệnh nhân, khử trùng mũi họng bằng nước muối, thuốc sát trùng.

**4.2. Chăm sóc:**

Vệ sinh chăm sóc răng miệng: Cho trẻ xúc miệng bằng dung dịch sát trùng, nước muối- Axit boric 5%.

Nằm nghỉ, đắp ấm vùng tuyến sưng, cho thuốc hạ nhiệt, giảm đau, mặc quần lót để nâng tinh hoàn.

Cho trẻ ăn nhiều bữa, đầy đủ chất dinh dưỡng, dễ tiêu hoá.

**THỦY ĐẬU**

Mục tiêu bài giảng:

1. Trình bày được khái niệm, bệnh căn, bệnh sinh của bệnh thuỷ đậu theo quan điểm của YHCT.

2. Trình bày được các triệu chứng chính về lâm sàng của bệnh thuỷ đậu theo quan điểm của YHCT.

3. Trình bày được các phương pháp điều trị bệnh thuỷ đậu theo YHCT

4. Trình bày được phương pháp phòng và chăm sóc bệnh nhân thuỷ đậu.

**I. ĐẠI CƯƠNG**

Thuỷ đậu còn gọi là thuỷ hoa (tên khác: Thuỷ bào, thuỷ chẩn, Thủy sang) Dân gian gọi là: Phỏng rạ. Là một bệnh truyền nhiễm gặp ở mùa đông xuân, hay mắc ở trẻ em, chứng trạng chủ yếu là mọc những nốt dạ (Bào chẩn).

Nguyên nhân do phong nhiệt thời độc xâm phạm vào phế qua mũi miệng, kết hợp với thấp trọc tích tụ lâu ngày ở bên trong gây ảnh hưởng chủ yếu đến hai tạng: Phế- tỳ.

Nhẹ thì làm cho phế mất chức năng túc giáng, phế chủ bì mao nên tà khí trước tiên phát tiết ở ngoài da tạo nên các mụn nước; Nặng thì tà độc làm tổn thương tỳ dương, bệnh độc vào sâu bên trong, tà khí không thoát ra ngoài được làm nốt đậu mọc dầy màu nước đục, xung quanh nốt thuỷ đậu màu đỏ sẫm. Thuỷ đậu một bệnh nông nhẹ thường ở phần vệ và khí, rất ít gặp ở phần huyết.

**II. LÂM SÀNG**

**2.1. Thể nhẹ:**

Lúc bắt đầu sổ mũi, nhức đầu, rối loạn tiêu hoá. Vài ngày sau thì xuất hiện rải rác những nốt đỏ ở sau lưng, sau đó lan ra khắp tay chân gọi là bào chẩn. Bào chẩn chóng lớn to dần không đều nhau, hình bầu dục chứa một chất nước trong, không nung mủ có vành đỏ xung quanh, kéo dài độ 3- 4 ngày thì khô và bong ra. Đặc điểm những nốt thuỷ đậu có tuổi khác nhau, nốt này mọc, nốt kia bay khác với đậu mùa.

**2.2. Thể nặng:**

Thuỷ đậu mọc dầy, sắc tím tối, màu nước đục, xung quanh nốt thuỷ đậu màu đỏ sẫm, sốt cao phiền khát, mặt đỏ, môi hồng, niêm mạc miệng có những nốt phỏng, rêu luỡi vàng, chất lưỡi đỏ (Tà vào phần khí và phần dinh).

**III. ĐIỀU TRỊ**

3.1. Thể nhẹ:

3.1.1. Phương pháp chữa: Sơ phong giải biểu, trừ thấp và giải độc.

3.1.2. Bài thuốc:

Bài 1: Bài thuốc kinh nghiệm

Lá dâu 16g Hoa cúc 08g

Cam thảo đất 12g Bạc hà 08g

Rễ sậy 16g Ngân hoa 12g

Lá tre 16g Kinh giới 08g

Sinh khương 05g Thiền thoái 04g

Bài 2: Thông xị cát cánh thang gia giảm:

Hành tăm 8củ Kim ngân hoa 10g

Đạm đậu xị 08g Thiền thoái 04g

Cát cánh 08g Kinh giới 08g

Bạc hà 04g Huyền sâm 12g

Liên kiều 08g Xa tiền 12g

Cam thảo 04g Sinh khương 05g

Khi thuỷ đậu mọc có thể dùng phuơng pháp trừ thấp giải độc

Bài 3: Đại liên kiều ẩm:

Phòng phong 08g Cù mạch 08g

Kinh giới 06g Hoàng cầm 08g

Chi tử 08g Liên Kiều 08g

Thuyền thoái 04g Ngưu bàng tử 08g

Thạch cao 20g Xa tiền 12g

Hoạt thạch 12g Mộc thông 10g

Xích thược 10g Đương quy 12g

Cam thảo 04g Sài hồ 12g

\* Kinh nghiệm dân gian: cỏ chân vịt 1 nắm rửa sạch nấu nước tắm ngày 1 lần.

**3.2. Thể nặng:**

3.2.1. Phương pháp chữa: Sơ phong, rhanh nhiệt, giải độc, thẩm thấp.

3.2.2. Bài thuốc:

Bài 1: Bài thuốc kinh nghiệm

Kinh giới 08g Kim ngân 12g

Phòng phong 10g Bồ công anh 16g

Sài hồ 12g Chi tử 12g

Sinh địa 12g Xa tiền 12g

Xích thược 10g Hoàng kỳ 16g

Huyền sâm 16g Đương quy 12g

Cam thảo 04g Sinh khương 05g

Họng đau: Xạ can 08g, Sơn đậu căn 08g. Phiền táo Hoàng liên 08g.

Táo bón: Đại hoàng 06g

Bài 2: Thanh ôn bại độc ẩm gia giảm:

Thạch cao 40g Liên kiều 12g

Tri mẫu 16g Hoàng liên 12g

Sơn chi 12g Hoàng cầm 20g

Đơn bì 12g Cỏ nhọ nồi 16g

Sinh địa 16g Hoàng kỳ 20g

Huyền sâm 08g Cam thảo 04g

Trúc diệp 16g Sinh khương 05g

**IV. PHÒNG BỆNH VÀ CHĂM SÓC**

**4.1. Phòng bệnh:**

Phòng đặc hiệu: Đưa trẻ đi tiêm phòng theo lịch tiêm chủng hàng tháng.

Phòng không đặc hiệu: Rất khó đạt hiệu quả vì bệnh có thể lây 24- 48 giờ trước khi có bóng nước.

Khi phát hiện cách ly bệnh nhân, tránh tiếp xúc với người bệnh cho đến khi nốt đậu đóng mày.

**4.2. Chăm sóc:**

Vệ sinh răng, miệng, da: Chăm sóc cho trẻ xúc miệng, rửa tay, tắm rửa sạch sẽ bàng dung dịch sát trùng (nước chè xanh) thay quần áo hàng ngày. Bôi dung dịch xanh mêtylen, Axyclovir hoặc Castellanin.

**BỆNH SỞI**

**Mục tiêu bài giảng:**

1. Trình bày được khái niệm của bệnh sởi theo quan điểm của YHCT.

2. Trình bày được triệu chứng của bệnh theo quan điểm của YHCT.

3. Trình bày được các phương pháp điều trị bệnh sởi theo YHCT.

4. Trình bày được phương pháp phỏng bệnh và chăm sóc bệnh nhân sởi.

**I. ĐẠI CƯƠNG**

Bệnh sởi còn gọi là ma chẩn, sa tử chẩn là một bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em dưới 5 tuổi, hay gặp ở mùa đông xuân. Trẻ em bị sởi xuất hiện những nốt đỏ nổi cao, sờ tay thì vướng giống như hạt vừng, nên gọi là ma chẩn.

Nguyên nhân do thấp, nhiệt độc vào kinh phế, phế chủ bì mao nên có những lớp ban trên da; Phong thấp, nhiệt độc xâm phạm vào phần da, phế, làm mất công năng tuyên giáng của phế, làm phế khí không tuyên thông, gây ra: Ho, hắt hơi, chảy nước mũi, họng đau rát. Thấp làm hại tỳ vị nên chán ăn, buồn nôn ỉa lỏng.

Nhưng nếu cơ thể yếu, nhiệt thịnh bế ở trong, nhiệt tà quá mạnh, các nốt ban không mọc ra ngoài da, dễ gây biến chứng: Viêm phổi- Viêm thanh quản- Viêm não- Viêm ruột kéo dài- Cam tẩu mã- Loét giác mạc mắt- Suy dinh dưỡng.

Bệnh tiến triển theo 3 giai đoạn: thời kỳ phát sốt, sởi mọc, sởi bay.

**II. TRIỆU CHỨNG LÂM SÀNG**

**2.1. Thời kỳ phát sốt (Khởi phát- Sởi chưa mọc).**

Bệnh khởi đầu bằng sốt 4- 5 ngày đến khi sởi mọc. Bệnh nhân bắt đầu sốt, ho, chảy nước mũi, nước mắt, người mệt mỏi ăn kém, có thể đau bụng, buồn nôn, ỉa lỏng, sốt cao dần. Rêu lưỡi trắng hoặc hơi vàng, mạch phù sác hoặc hồng đại. Niêm mạc miệng có hạt Koplick.

Các triệu chứng giống thời kỳ viêm long và khởi phát các bệnh truyền nhiễm khác, cần chú ý đến dịch tễ học, xem kỹ ở vùng tai, gáy, cổ có một vài điểm ban đỏ.

**2.2. Thời kỷ sởi mọc (Toàn phát):**

Bắt đầu xuất hiện nốt ban sởi đến khi mọc dầy toàn thân: Độ 3- 4 ngày Sởi mọc tuần tự từ sau tai lan dần ra hai bên má, cổ ngực bụng và chi trên, rồi sau lưng, chi dưới. Mọc càng ngày càng dầy, sốt cao dần, ho nhiều, chảy nước mũi, nước mắt, người mệt mỏi ăn kém, có thể đau bụng, ỉa lỏng. Rêu lưỡi vàng, chất lưỡi đỏ, mạch sác.

**2.3. Thời kỳ sởi bay (Lui bệnh):**

Thời kỳ này độ 4-5 ngày. Thông thường sởi bay theo trình tự xuất hiện, sốt giảm còn triều nhiệt, ho khan, người mệt mỏi, ăn kém miệng khô đắng, lưỡi đỏ, rêu ít, mạch trầm tế.

**III. ĐIỀU TRỊ**

**3.1. Thời kỳ phát sốt (Khởi phát- Sởi chưa mọc).**

3.1.1. Phương pháp chữa:

Tuyên thấu giải độc( Giải cơ thấu biểu, tân lương giải biểu) để đưa tà ra ngoài da, làm mọc nhanh các nốt ban sởi.

3.1.2. Bài thuốc:

Bải 1. Bài thuốc kinh nghiệm

Lá rấp cá 16g Xích thược 12g

Cam thảo đất 12g Kinh giới 06g

Rau rệu 16g Trần bì 06g

Liên kiều 08g Bán hạ 12g

Cát căn 16g Sinh hoàng kỳ 16g

Thăng ma 16g Cam thảo 06g

Thiền thoái 04g Sinh khương 06g

Bài 2: Thanh nhiệt giải biểu thang gia giảm:

Phù bình 12g Xích thược 12g

Ngưu bàng tử 08g Kinh giới 06g

Liên kiều 08g Trần bì 06g

Cát căn 16g Bán hạ 12g

Thăng ma 16g Sinh hoàng kỳ 16g

Thiền thoái 04g Cam thảo 06g

Đậu xị 12g Sinh khương 06g

Nếu sốt cao thêm: Kim ngân hoa 12g, Hoàng cầm 08g.

 Bài 3: Thăng ma cát căn thang gia giảm:

Thăng ma 08g Tiền hồ 10g

Cát căn 16g Ngưu bàng tử 08g

Xích thược 12g Tỳ giải 12g

Cam thảo 06g Sinh hoàng kỳ 16g

Kinh giới 06g Sài hồ 10g

Sinh khương 06g Thiền thoái 04g

Bài 4: Cát căn giải cơ thang gia giảm:

Cát căn 12g Đăng tâm 06g

Liên kiều 08g Tiền hồ 10g

Thiền thoái 06g Ngưu bàng tử 08g

Xích thược 10g Tỳ giải 12g

Bối mẫu 10g Tang bạch bì 08g

Kinh giới 06g Thăng ma 12g

Cam thảo 06g Sinh khương 06g

Nếu khó thở thêm: Ma hoàng 06g.

Chảy máu cam thêm: Trúc nhự 06g.

Táo bón thêm: Vừng đen 08 - 12g.

Ỉa chảy: Phục linh 12g, Trạch tả 08g.

Sôt cao: Hoàng liên 08g, Hoàng cầm 08g

Đi tiểu ít: Sa tiền tử 10g.

Bài 5: Nấu nước hạt mùi tắm hàng ngày thúc sởi mọc nhanh.

3.1.3. Châm cứu: Phong trì, Hợp cốc, Ngoại quan, Phế du, Đại chuỳ, Túc tam lý.

**3.2. Thời kỳ sởi mọc (Toàn phát):**

3.2.1. Phương pháp chữa: Giải cơ thấu bỉểu, thanh nhiệt giải độc.

3.2.2. Bài thuốc:

Bài 1: Bài thuốc kinh nghiệm

Lá tre 20g Liên kiều 08g

Sài đất 16g Ngưu bàng tử 08g

Mạch môn 12g Huyền sâm 12g

Kim ngân hoa 12g Sinh hoàng kỳ 16g

Sa sâm 12g Kinh giới 06g

Cát căn 16g Thiền thoái 04g

Cam thảo đất 12g Sinh khương 06g

Bài 2: Thăng ma cát căn thang gia giảm:

Thăng ma 08g Thiền thoái 04g

Cát căn 16g Bán hạ 12g

Xích thược 12g Trần bì 08g

Cam thảo 06g Kim ngân hoa 12g

Kinh giới 06g Liên kiều 08g

Sinh khương 06g Sinh hoàng kỳ 16g

Bài 3: Nếu sốt cao dùng bài: Hoá độc thanh biêu thang:

Tiên hô 10g Ngưu bàng tử 08g

Tri mẫu 08g Huyền sâm 12g

Cát cánh 12g Bạch mao căn 12g

Tỳ giải 12g Chỉ tử 08g

Hoàng liên 06g Hoàng cầm 08g

Cát căn 12g Thiên hoa phấn 12g

Liên kiều 08g Cam thảo 06g

Bài 4: Nếu bị sưng phổi ( biến chứng) dùng bài: Ma hạnh thạch cam thang gia giảm

Ma hoàng 06g Thiền thoái 04g

Hạnh nhân 10g Cát cánh 12g

Thạch cao 40g Trần bì 08g

Kinh giới 06g Bán hạ 12g

Hoàng cầm 08g Sinh hoàng kỳ 16g

Chỉ tử 08g Sinh khương 06g

Kim ngân hoa 12g Cam thảo 06g

Bài 5: Nếu bệnh nhân sốt cao, li bì, mê sảng có dấu hiệu nhiễm độc thần kinh dùng bài: Hoá ban thang gia giảm:

Sừng trâu 20g Kinh giới 06g

Tri mẫu 08g Hoàng cầm 08g

Huyền sâm 12g Chỉ tử 08g

Gạo tẻ 12g Trần bì 08g

Sinh hoàng kỳ 16g Bán hạ 12g

Cam thảo 04g Cát cánh 12g

Sinh khương 06g Thạch cao 20g

Bài 6: Nếu ỉa chảy dùng bài: Thanh nhịêt đạo trệ thang.

Hoàng liên 06g Cam thảo 04g

Hoàng cầm Liên kiều 08g

Binh lang 08g Ngưu bàng tử 08g

Chỉ xác 08g Sơn tra 08g

Hậu phác 12g Đăng tâm 06g

Thanh bì 08g Đương quy 12g

Bài 7: Nấu nước hạt mùi tắm hàng ngày thúc sởi mọc nhanh.

3.2.3. Châm cứu:

Châm tả các huyệt: Đại chuỳ, Hợp cốc, Phế du, Xích trạch, Nội đình, Túc tam lý. Họng đau thêm: Thiếu thuơng.

**3.3. Thời kỳ sởi bay (Lui bệnh):**

3.3.1. Phương pháp chữa: Bổ khí huyết, duỡng âm, thanh nhiệt.

3.3.2. Bài thuốc:

Bài 1: Bài thuốc kinh nghiêm

Sa sâm 120g Mạch môn 80g

Hoài sơn 100g Hoàng tinh 80g

Cam thảo 80g Lá dâu non 120g

Đậu đỏ 120g Hạt sen 120g

Tán thành bột, viên. Ngày uống 30g chia làm 3 lần.

Bài 2: Ngân hồ mạch đông tán gia giảm:

Ngân sài hồ 08g Đảng sâm 16g

Sa sâm 16g Phục thần 16g

Huyền sâm 10g Bạch truật 12g

Mạch môn 12g Xuyên khung 08g

Đăng tâm 04g Xuyên quy 12g

Cam thảo 05g Thục đia 10g

Sinh khương 05g Bạch thựơc 12g

Bài 3: Tả bạch tán phối hợp với Sa sâm mạch đông thang gia giảm:

Hoàng cầm 08g Đảng sâm 16g

Địa cốt bì 08g Phục thần 16g

Tang bạch bì 12g Bạch truật 12g

Cam thảo 04g Xuyên khung 08g

Mạch môn 12g Xuyên quy 12g

Sa sâm 08g Thục địa 10g

Cam thảo 05g Bạch thựơc 12g

Sinh khương 05g Đảng sâm 16g

**IV. PHÒNG BỆNH VÀ CHĂM SÓC**

**4.1. Phòng bệnh:**

Phòng đặc hiệu: Đưa trẻ đi tiêm chủng đầy đủ và đúng lịch.

Phòng không đặc hiệu:

Phát hiện và cách ly sớm bệnh nhân hạn chế lây lan.

Nâng cao thể trạng nhằm nâng cao chính khí hạn chế tà khí xâm pham gây bệnh.

Mang khẩu trang khi tiếp xúc với bệnh nhân, khử trùng mũi họng bằng nước muối, thuốc sát trùng.

**4.2. Chăm sóc:**

Vệ sinh răng, miệng, da, mắt: Chăm sóc cho trẻ xúc miệng, nhỏ mắt, rửa tay, tắm rửa sạch sẽ tránh nhiễm trùng. Không cần thiết phải kiêng, mà ngược lại cho trẻ ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, dễ tiêu hoá. Đặc biệt uống thêm vitamin A để tránh loét giác mạc.

**TRẺ KHÓC ĐÊM**

**(Dạ đề)**

**I. ĐẠI CƯƠNG:**

Trẻ em mỗi khi tối đến là khóc lên từng cơn, kéo dài suốt đêm, đến sáng mới nghỉ như thế gọi là khóc đêm (dạ đề).

Tuy nhiên cần chú ý trường hợp trẻ em trong 1 tháng mà hay khóc đó là hiện tựợng tốt; thai độc; thai kinh đều theo đó mà tan. Trường hợp khi cho con bú mà trẻ khóc thì cần xem trong miệng có lở loét không và tự nhiên không có vấn đề gì mà đêm trẻ khóc thì xem có kiến, bụi chạm vào không.

**II. NGUYÊN NHÂN**

Cổ nhân ghi chép về chứng bệnh này rất nhiều, sách Y tông Kim giám nói: Nguyên nhân khóc đêm có 2, một là tâm nhiệt, hai là tỳ hàn”.

Ngày nay căn cứ chứng hậu trên lâm sàng chia làm 3 loại: tâm nhiệt, tỳ hàn, kinh sợ. Ngoài ra còn nguyên nhân vì bú, vì ăn hoặc mới cai sữa hoặc thói quen thích chơi đèn ban đêm mà khóc thì không thuộc phạm vi của chứng bệnh này.

**III. BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ**

Kinh nghiệm cổ nhân thường dùng Thiềm hoa tán.

Thiềm y (bỏ đầu - chân) sấy khô, nghiền nhỏ, dùng bạc hà 2g sắc làm thang hòa với 0.5 - lg bột ấy uống để điều trị các trứng khóc đêm, tuy nhiên cần căn cứ nguyên nhân cụ thể mà điều trị thì kết quả tốt hơn.

**1. Tâm nhiệt**

1.1. Triệu chứng

Mặt đỏ, môi hồng, nhiều nước mắt, buồn phiền, vật vã, toàn thân phát nóng, tiểu tiện ngắn đỏ hoặc hơi trong, miệng nóng, đại tiện bí kết.

1.2. Phương pháp điều trị: thanh tâm, an thần

1.3. Phương thuốc: dùng bài Đạo xích tán

Sinh địa 4g Mộc thông 4g

Cam thảo 2g

Các vị nghiền nhỏ, uống với nước sắc bấc đèn 2g, lá tre 4g.

Có thể gia thêm: hoàng liên 2g, thuyền thoái lg.

- Nếu nhiệt ít thì dùng Sinh mạch tán

Sa sâm 8g Mạch môn đông 4g

Ngũ vị tử 3g

- Nếu nhiệt nhiều thì dùng Nhân sâm hoàng liên tán

Nhân sâm 6g Hoàng liên 2g

Cam thảo 3g Trúc diệp 4g

**2. Tỳ hàn**

2.1. Triệu chứng

Sắc mặt trắng xanh, hơi thở lạnh, chân tay lạnh buốt, cong lưng mà khóc, không bú, bụng đau, đi ỉa lỏng, bệnh do cảm phải hàn tà gây nên.

2.2. Phươngpháp điều trị: ôn trung, trấn thống

2.3. Phương thuốc: dùng bài Quân khí tán

Mộc hương 1g Trần bì 2g

Sa nhân 2g Cát cánh 4g

Bào khương 2g Chính thảo 2g

Tán bột, mỗi ngày uống l-2g với nước thang táo đỏ. Có thể sử dụng bài Câu đằng ẩm

Câu đằng 4g Quy thân 4g

Phục thần 8g Xuyên khung 3g

Phục linh 8g Mộc hương 2g

Cam thảo 3g

Nếu nặng hơn có thể sử dụng bài Lý trung hoàn

 Đẳng sâm 8g Bạch truật 08g

Can khương 2g Chích thảo 03g

- Nếu cong người, khóc to, không có nước mắt là đau bụng thì sử dụng Ồn vị ẩm gia mộc hương

Đẳng sâm 8g Xuyên khung 3g

Buật truật 8g Quy thân 4g

3.1. Triệu chứng

Bệnh có biểu hiện ra trạng thái kinh sợ, khi ngủ hay giật mình không yên, thốt nhiên khóc và đó là vì kinh sợ quá chừng.

3.2. Phương pháp điều trị, an thần, định kinh.

3.3. Phương thuốc: dùng bài An thần trấn kinh hoàn

Thiên trúc hoàng 20g Ngưu hoàng 12g

Đởm tinh 12g Mộc thông 12g

Mạch đông 12g Thanh đại 4g

Đương quy 12g Phục thần 20g

Hoàng liên 12g Đào nhân 12g

Xích thược 12g Thần sa 12g

Lá bạc hà 12g Long cốt nung 12g

Chi tử 12g

Các vị tán nhỏ, luyện với mật làm viên to bằng hạt đậu xanh, tùy theo tuổi của trẻ mà cho uống l-3g với nuớc thang gừng.

Có thể dùng bài Bí chỉ an thần hoàn

Băng phiến 1g Hoàng liên 4g

Chu sa 0,8g Đương quy 4g

Bạch linh 8g Mạch môn 4g

Cam thảo 3g

Hoặc dùng bài Phục thân thang

Đẳng sâm 8g Thục đia 4g

Hoàng kỳ 8g Bạch thược 4g

Ngũ vị tử 2g Bá tử nhân 3g

Phục thần 4g Táo quân 3g

Cam thảo 3g Quế tâm lg

**BẠI LIỆT**

**I. ĐẠI CƯƠNG**

Bại liệt còn gọi là chứng Tiểu nhi nam hoán (tê bại trẻ em), bệnh phần nhiều phát ở trẻ em từ 1 tuổi đến 5 tuổi. Bệnh thường lưu hành truyền nhiễm vào khoảng mùa hè thu, có khi phát vào mùa khác. Bệnh do virus bại liệt lây qua đường tiêu hóa gây ra tổn thương ở sừng trước tủy sống.

**II. NGUYÊN NHÂN**

Bệnh thường do cảm phải thời khí thủ thấp làm ngưng trệ phần khí, nguyên khí bị tổn thương trước không thể thông đạt đến chân tay, lại thêm thấp nhiệt nóng uất, tân dịch bị hun đốt, âm huyết càng bị thương tổn, gân mạch mất sự nuôi dưỡng mà gây nên.

Thiên Sinh khí thông thiên luận sách tố Vân nói: “Thấp nhiệt không tiêu trừ kịp thời thì gân lớn bị rút ngắn lại, gân nhỏ bị giãn dài ra. Rút ngắn lại thành co quắp, giãn dài ra thì thành mềm yếu”.

Sách Ấu khoa chuẩn thằng nêu: “Nếu khí của tỳ vị không đủ, gặp phải khí thử thấp của thời tiết tháng 6 thì không thể thăng cử được khí thanh dương và kiện vận được trung khí, lại gặp phải thời lệnh thiếu dương tướng hỏa nữa, nên nhiệt làm tổn thương nguyên khí thì cơ thể mệt mỏi, bại hoại, hai chân mềm yếu không cử động được”.

Sách Y lâm cải thác nói: “Trẻ em 1-5 tuổi đều có thể đột nhiên bị bán thân bất toại (tê liệt nửa người), đại đa số là do sau khi bị các bệnh thương hàn, ôn bệnh đậu, sởi, thổ tả nguyên khí bị suy kém dần, sắc mặt xanh xao, dần dần tay chân không cử động được, thậm chí gân ở tay chân co rút, đều là do khí không thông đạt ra tứ chi được”.

Những luận điểm trên của cổ nhân cho thấy bệnh là một chứng kế tục phát ra ngoại tà không giải, hun đốt gân mạch bên trong mà gây nên.

**III. BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ**

Chứng trạng của bệnh này nặng nhẹ không nhất định, phát sốt cao, thấp và mức độ tê bại cũng không nhất định.

**l. Giai đoạn khởi phát**

1.1. Triệu chứng

Bệnh mới phát thường thấy các chứng phát sốt, đau đầu, buồn bực, yật vã hoặc kiêm có họng khô, nôn mửa, ỉa chảy. Sau 3-4 ngày thì mình nóng lui dần, chứng trạng giảm bớt.

1.2. Phương pháp điều trị: thanh nhiệt giải độc, dẹp phong.

1.3. Phương thuốc: dùng bài thanh nhiệt sơ phong ẩm.

Ngân hoa 12g Sinh địa 24g

Liên kiều 12g Nõn tre 12 cái

Hoàng cầm 8g Rễ xương bồ tươi 12g

Hoạt thạch 16g Huyền sâm 12g

Uất kim 8g Chi tử 12g

Linh dương giác (mài ngoài, hòa thuốc uống).

Có thể uống kèm Chí bảo đơn, tử tuyết đơn, An cung ngưu hoàng hoàn.

Hoặc dùng bài Ngân kiều tán

Ngân hoa 40g Bạc hà 24g

Liên kiều 6g Đậu sị 20g

Cát cánh 24g Kinh giới tuệ 16g

Trúc diệp 16g Ngưu bàng 24g

Cam thảo 20g

Các vị tán nhỏ, ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 24g: nước măng lau tươi làm thang, khi nấu thấy mùi thơm bốc ra là được, không nấu lâu quá.

+ Nếu có ho thì gia thêm tiền hồ 8g.

+ Nếu nôn mửa thì gia trúc nhụ 4g.

**2. Giai đoạn toàn phát**

2.1. Triệu chứng

Sau khi nóng lui 4-5 ngày lại phát nóng, lưỡi đỏ, môi hồng, đầu đau, họng khô, buồn phiền vật vã, tự đổ mồ hôi, nôn mửa, chân tay mình mấy đau nhức hoặc mềm yếu không có sức; nặng hơn thì lưng và cổ cứng đờ, cúi xuống khó khăn không ngồi được. Khi hoạt động chân tay rung động nhẹ, đó là dấu hiệu báo trước bại liệt.

2.2. Phương pháp điều trị: khu phong, hóa thấp, thanh nhiệt, thông kinh lạc.

2.3. Phương thuốc: dùng bài Thanh thử ích khí thang

Nhân sâm 2g Trần bì 2g

Hoàng kỳ 8g Thanh bì 2g

Quy vĩ 2g Ngũ vị 9 hạt

Bạch truật 4g Mạch môn 2g

Thăng ma 4g Cát căn 4g

Thương truật 6g trạch tả 2g

Hoàng bá 2g Thần khúc 2g

Cam thảo 2g

Nước 1,5 bát, sắc còn 1/2 bát, chia 3 lần uống. Hoặc dùng bài Linh dương giác thang

Sừng dê 6g Liên kiều 8g

Sinh địa 12g trúc diệp 8g

Xương bồ 6g Uất kim 8g

Huyền sâm 12g Chi tử 8g

Kim ngân 12g Hoàng cầm 8g

Hoạt thạch 8g Cam thảo 4g

**3. Giai đoạn bại liệt**

3.1. Triệu chứng: Bại liệt thường xuất hiện ngày thứ 3, thứ 4 của thời kỳ phát sốt lần thứ 2. Cũng có một số người phát liệt sớm vào ngày thứ nhất, hoặc phát chậm đến ngày thứ 10. Bại liệt rất thường thấy ở 1chân, liệt tay hoặc cả 2 chân thì tương đối ít. Bên chân bị đau mềm nhũn, mất sức, không co duỗi được,nếu không điều trị kip thời sẽ thành tật vĩnh viễn.

3.2. Phươngpháp điều trị: ích khí dưỡng huyết, thông kinh hoạt lạc.

3.3. Phương thuốc: dùng bài bổ dương hoàn ngũ thang

Quy vĩ 4g Đào nhân 3g

Xuyên thược 3g Hồng hoa 2g

Xích thược 4g Địa long 4g

Hoàng ký 20g

- Khi mới bị liệt thì gia thêm phòng phong 4g.

- Nếu cơ thể trẻ suy nhược quá thì gia thêm phụ tử chế 2g hoặc nhân sâm 4g.

- Trường hợp can thận đều hư thì dùng bài Hổ cốt hoàn Xương ống chân hổ 1lạng (nướng)

Bạch linh 40g Phụ tử chế 20g

Bạch trụât 40g Phá cố chỉ 20g

Quy thân 20g Quy bản 40g

Xuyên khung 20g Tục đoạn 40g

Hoàng kỳ 40g Quế nhục 8g

Ngưu tất 40g Toàn yết 12g

Phòng phong 20g Trần bì 12g

Xuyên gia bì 20g

Hoặc dùng bài Hồ tiềm hoàn và có thể kết hợp châm cứu. Bài Hồ tiềm hoàn

Xuơng ồng chân hổ 40g Can khuơng 20g

Thuc đia 80g Tri mâu 80g

Bach thược 60g Quy bản 160g

Trần bì 30g Tỏa duơng 40g

Hoàng bá 120g Nguu tất 140g

Quy thân 40g

Các vị tán bột làm viên, ngày uống 8g.

**IV. CÁC PHƯỚNG PHÁP PHỤC HỒI DI CHỨNG**

1. Vận động, xoa bóp

Xoa bóp và vận động chi bị liệt cho trẻ để tăng cuờng dinh duỡng cho các cơ.

2. Châm cứu

2.1. Giai đoạn khởi phát, toàn phát

- Châm các huyệt: hợp cốc, khúc trì, âm lăng tuyền.

- Nếu có ho suyễn thì châm thêm các huyệt: xích trạch, phế du, liệt khuyết.

- Nếu kèm nôn mửa thì châm thêm: túc tam lý, nội quan.

2.2. Giai đoạn di chứng

Châm các huyệt tại chỗ (trên kinh duơng minh), các A thị huyệt bên chân bị liệt và các huyệt toàn thân như: túc tam lý, tam âm giao, huyền chung.

3. Thủy châm

Người ta thuờng thủy châm Temeurìne vào các huyệt: túc tam lý, phong thị và A thị huyệt bên chân liệt.

**NÔN MỬA**

**I. ĐẠI CƯƠNG**

Là một chứng trạng thường thấy ở trẻ em, rất nhiều loại bệnh đều có thể gây ra nôn mửa. Trẻ em tỳ vị còn non yếu, nôn mửa rất dễ trực tiếp làm tổn hại đến tỳ vị, ảnh hưởng đến công năng thu nạp và vận hóa của tỳ vị. Nếu nặng có thể dẫn đến cơ thể suy nhược, do đó không thể coi thường.

**II. NGUYÊN NHÂN**

**1. Vì ăn bú mà nôn**

Trẻ bú sữa quá nhiều, ăn uống không điều độ hoặc ăn quá nhiều đồ ngon béo, đến nỗi no dạ dày không thu nạp được, tỳ không vận hóa nổi, tích trệ trong dạ dày cơ năng chuyển vận thăng giáng mất điều hòa mà gây nôn mửa. Vì bú quá nhiều mà trớ sữa (sau bú nôn vọt ra) thì gọi là nghiễn nhũ; vì ăn uống không điều độ mà mửa thì gọi là thương thực thổ.

**2. Vì lạnh mà nôn mửa**

Nguyên nhân chủ yếu là do trung khí hư nhược, phong hàn, đàm ẩm, đồ ăn ngưng đọng lại ảnh hưởng đến cơ năng vận chuyển không thể đưa khí thanh lên, giáng khí trọc xuống, xông ngược lên mà nôn mửa.

Hoặc do ăn những đồ hoa quả sống lạnh hoặc dùng quá nhiều thuốc đắng lạnh công phạt hoặc tỳ vị bị phong hàn xâm phạm vào hoặc người mẹ cho con bú ăn quá nhiều đồ mát lạnh làm cho sữa cũng lạnh, trẻ am bú sữa ấy, làm cho vị bị tổn thương mà sinh mửa.

**3. Vì nóng mà nôn mửa.**

Người mẹ cho con bú ăn nhiều đồ cao lương mỹ vị, đồ xào rán cay nóng, gây cho nhiệt tích trong sữa; cho nên nói: mẹ ăn đồ nóng thì sữa nóng, trẻ em bú phải thì nhiệt độc tích lại ở tỳ vị hoặc trẻ em ăn quá nhiều đồ cay nóng, xào rán; nhiệt tích lại ỏ trong vị hoặc cảm phải thời khí ôn nhiệt, ẩn nấp trong đường ruột tà khí xông lên nhân đó mà tạo thành nôn mửa.

**4. Vì giun mà nôn mửa**

Trẻ em bị giun đũa hoặc vì nhiệt nung nấu ở vị hoặc vì bức bách ở trong làm cho giun không yên nhiễu loạn ở trong, xông ngược lên, phạm vào vị mà thành nôn mửa.

**5. Ghé kinh mà nôn mửa**

Trẻ em khiếp nhược dễ bị kinh sợ, sau khi bị kinh sợ, phong khí đễ động làm hại tỳ vị mà gây nôn mửa.

Một số trẻ em thể chất đặc biệt khác thường, tỳ vị yếu nên khi gặp tà khí thời tiết trái thường gây nôn mửa.

**III. BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ**

 **l. Vì ăn bú mà nôn mửa**

1.1. Triệu chứng

Khi phát bệnh người hay nóng, không muốn ăn, uống, lợm giọng, bụng trướng đầy, mửa ra sữa và đồ ăn không tiêu, mùi chua khai, hơi thở hôi thối, sắc mặt hơi vàng, lưỡi rêu dày nhờn, mạch trầm sác, chỉ tay sắc tía mà trệ, đại tiện thường chua hôi mà lầy nhầy, tiểu hơi vàng.

1.2. Phương pháp điều trị: tiết chế sự ăn uống, khôi phục cơ năng vận hóa, bệnh mới phát thì sau vài ba ngày có thể không dùng thuốc mà khỏi. Điều trị nên lấy tiêu đạo làm chủ, thêm ôn vị hòa trung làm tá dược.

1.3. Phương thuốc: vì bú mà mửa thì dùng bài Tiêu nhũ hoàn

Hương phụ 80g Mạch nha 40g

Sa nhân 20g Thần khúc 40g

Trần bì 20g Chích thảo 20g

- Trường hợp vì ăn uống mà mửa thì dùng bài Bảo hòa hoàn

Thần khúc 40g Trần bì 20g

Sơn tra 80g Bán hạ 40g

La bac tử 20g Mạch nha 40g

Cam thảo 20g Bạch linh 40g

Liên kiều 20g

 Hoặc dùng bài: Hòa vị ẩm

Trần bì 4g Hậu pháp 3g

Can khương 2g Cam thảo 3g

- Nếu thức ăn tích trệ mà vị không hàn thì sử dụng bài Đại hòa trung ẩm

Mạch nha 8g Trần bì 4g

Trạch tả 4g Sơn tra 6g

Sa nhân 2g Hậu pháp 3g

Chỉ thực 4g

Hoặc bài Tiểu hòa trung ẩm

Bạch linh 8g Trần bì 3g

Sơn tra 4g Biển đậu 8g

Chích thảo 3g Hậu pháp 3g

- Nếu thức ăn đình trệ mà nôn mửa kiêm có đàm thấp thì dùng bài Lục yên tiễn

Trần bì 3g Bạch linh 8g

Hanh nhân 3g Bán hạ chế 4g

Chích thảo 3g Bạch giới tử 3g

- Nếu thương thực mà tỳ vị không vận hóa thì phải chú trọng tỳ.

- Nếu thương thực kiêm nhiều đờm trệ thì sử dụng Lục quân tử thang gia: sa nhân, bào khương, mộc hương.

**2. Vì hàn mà nôn**

2.1. Triệu chứng

Thường thường ăn hoặc bú vào một thời gian mới nôn mửa ra. Người xưa nói: sáng ăn chiều mửa, mửa ra đờm, nước, sữa, đỗ ăn ít mùi chua khai, sắc mặt xanh xao, chân tay lạnh, môi lưỡi nhợt nhạt hoặc có rêu trắng, mạch trầm trì, chỉ tay mờ nhạt không rõ.

2.2. Phươngpháp điều trị: ôn vận tỳ dương, giáng nghịch, chỉ thổ.

2.3. Phương thuốc: dùng bài Đinh du lý trung thang

Đinh hương 2 nụ Nhân sâm 4g

Ngô thù du lg Can kh ương 2g

Đại táo 2 quả Bạch truật 4g

Chích thảo 3g

Trẻ em do ăn đồ sống lạnh, hàn khí hại vị mà gây nôn mửa thì sử dụng bài Dưỡng trung tiễn.

Đẳng sâm 8g Hoài sơn 8g

Biển đậu 8g Can khương 2g

Cam thảo 3g Bạch linh 8g

Hoặc bài Ôn vị ẩm

Đẳng sâm 8g Trần bì 3g

Bạch truật 3g Can khương 2g

Quy thân 3g Biển đậu 8g

Cam thảo 3g

Sau đó sử dụng bài Ngũ quân tử hoặc bài Lý trung thang.

- Nếu kiêm tỳ thận hư hàn, nhiều đờm dãi hoặc kiêm suyễn súc thì sử dụng bài Lý âm tiễn

Đương quy 4g Can khương 2g

Thục địa 4g Chích thảo 3g

Nặng hơn thì sử dụng Nhân sâm phụ tử lý âm tiễn là hay nhất, không nên nghĩ rằng nôn mửa thì sử dụng thục địa.

- Nếu trong tỳ hàn, khí trệ mà nôn mửa thi sử dụng Hoắc hương yên vị tán

Hoắc hương 4g Nhân sâm 4g

Trần bì 3g Đinh hương 2g

Sinh khương 2g

**3. Vì nhiệt mà nôn mửa**

3.1. Triệu chứng

Ăn vào mửa ra ngay, miệng khô khát, nôn mửa ra mùi chua khai, buồn phiền vật vã, môi lưỡi khô đỏ, lưỡi có rêu vàng, đại tiện hôi thối, tiểu vàng đỏ, mạch hoạt sác, chỉ tay đỏ tươi hoặc sắc tía.

3.2. Phương pháp điều trị: thanh vị, hòa trung, chỉ ẩu.

3.3. Phuơng thuốc: dùng bài ôn đởm thang gia vị

Trần bì 2g Mạch đông 4g

Bán hạ 4g Trúc nhự 8g

Bạch linh 12g Chỉ thực (sao cám) 3g

Hoàng liên 3g Đăng tâm 2g

Cam thảo 2g

Trường hợp nếu là vị hòa nội nhiệt nôn mửa thì tất nhiên có chứng phiền nóng, khát nước mát mạch tất hoạt đại, hồng sác thì sử dụng bài Ngọc tuyền tán

Thạch cao 24g Cam thảo 4g

Hoặc Trúc diệp thạch cao thang

Nhân sâm 4g Thạch cao 12g

Mạch môn 8g Trúc diệp 8g

Ngạnh mễ 12g Bán hạ 3g

Cam thảo 3g

Nếu có đờm thực trệ kiêm hỏa nhiệt, nôn mửa thì sử dụng bài Nhị trần thang gia: Thạch cao, hoàng liên, chi tử

Bài Nhị trần thang

Trần bì 4g Bạch linh 8g

Bán hạ 4g Cam thảo 4g

Nếu tỳ vị hư nhược mà kiêm hỏa thì sử dụng bài nhân sâm yên vị tán

Đảng sâm 8g Hoàng kỳ 8g

Bạch linh 8g Hoàng liên 2g

Trần bì 3g Bạch thược 8g

Cam thảo 3g

Hoặc bài Quất bì trúc nhự thang.

Trần bì 3g Đẳng sâm 8g

Trúc nhự 4g Cam thảo 3g

Nếu vị hỏa nôn mửa mà khát nước thì sử dụng bài Trúc nhự thang

Trúc nhự 4g Cát căn 8g

Bán hạ 4g Cam thảo 4g

Nếu mùa hạ dương khí hại vị thì tất nhiên phiền nóng, khát nước, nôn mửa nên sử dụng Thập vị hương nhu ẩm

Hương nhu 8g Trần bì 3g

Hậu phác 4g Mộc qua 4g

Biển đậu 8g Hoàng kỳ 8g

Đảng sâm 8g Bạch truật 8g

Bạch linh 8g Cam thảo 4g

Hoặc Quất bì trúc nhự thang

- Nếu nội nhiệt thịnh thì sử dụng bài ích nguyên tán (Lục nhất tán) hoặc Ngọc tuyền tán.

- Nếu vì trời nắng nóng rồi sử dụng những đồ sống lạnh, làm hại đến vị mà sinh nôn mửa, đó là thuộc âm thử thi điều trị theo phép hư hàn để ấm vi, ôn trung hoặc có thể sử dụng bài Ngũ linh tán, tuyệt đối không sử dụng thuốc hàn lương.

Bài Ngũ linh tán

Bạch linh 8g Trư linh 6g

Bạch truật 8g Trạch tả 6g

Quế chi 4g

**4. Vì giun mà nôn mửa**

4.1. Triệu chứng: Dạ dày lúc đau lúc không, sắc vàng hoặc trắng, thường mửa ra nước trong, có lúc mửa khan hoặc mửa ra giun đũa.

4.2. Phương pháp điều trị: ôn trung, yên hồi.

4.3. Phương thuốc: Dùng bài Ô mai hoàn

Ô mai 300 quả Phụ tử chế 80g

Hoàng bá 400g Quế chi 240g

Hoàng liên 240g Can khương 400g

Thục tiêu 160g Đẳng sâm 240g

Tế tân 240g Quy thân 160g

Đem ô mai ngâm dấm thanh 1 đêm, bóc bỏ hạt, giã nát nhừ. Các vị kia tán bột, trộn ô mai nát, hòa mật ong làm viên to bằng hạt gạo, uống 10 viên/lần x 2-3 lần / ngày.

- Trường hợp tạng hàn thì dùng bài Yên hồi thang

Đẳng sâm 3g Can khương 2g

Bạch linh 6g Bạch truật 4g

Hồ tiêu 2g Ô mai 2 quả

Trường hợp tạng nhiệt thì dung bài Liên mai yên hồi thang

Hoàng liên 40g Hồ tiêu 40g

Hoàng cầm 40g Lôi hoàn 40g

Ô mai 40g Binh lang 80g

Ô mai bóc bỏ hạt, giã nhừ trộn bột thuốc làm viên to bằng hạt gạo, uống 10 viên/ lần, ngày uống 2 lần.

**5. Kinh sợ mà nôn mửa**

5.1. Triệu chứng

Tâm thần buồn phiền vật vã, nằm ngủ không yên, sắc mặt xanh, mửa nước trong; hoặc kiêm có mình hơi nóng, mạch huyền sác, chỉ tay xanh tía.

5.2. Phương pháp điều trị: trấn kinh an thần, hòa vị khu phong.

5.3. Phương thuốc: dùng bài Toàn yết quan âm tán

Đẳng sâm 10g Biển đậu 8g

Hoàng kỳ 10g Liên tử nhục 8g

Bạch linh 8g Mộc thong 8g

Toàn yết 8g Bạch chỉ 8g

Thiên ma 8g Khương hoạt 8g

Cam thảo 8g Phòng phong 8g

Các vị tán nhỏ, uống l-2g/lần với nước sắc đại táo 3 quả, sinh khương 3 lát làm thang.

Hoặc bài Định thổ hoàn

Đinh hương 21 nụ Đuôi bò cạp 40 cái

Khương bán 3 củ hạ

Tán nhỏ, hòa nước táo nhục làm hồ, làm viên bằng hạt gạo, uống 7 viên/lần.

**ĐÁI DẦM**

**I. ĐẠI CƯƠNG**

Đái dầm thường gặp ở trẻ em dưới 10 tuổi. Trẻ em 1-3 tuổi vì não tủy chưa đầy đủ, chưa thành thói quen hoặc vì tinh thần bị kích động mà sinh đái dầm.

**II. NGUYÊN NHÂN**

Chủ yếu do tiên thiên bất túc hoặc hậu thiên thất điều đến nỗi thận dương không đủ, hạ nguyên hư lạnh mà trở thành đái dầm. Vì thận chủ sự tàng trữ và đóng kín mà lại khai khiến ở tiền âm, hậu âm, có chức năng điều khiển đại tiểu tiện. Bàng quang chủ việc tàng chữ tân dịch, có công năng hóa khí, lợi thủy khiến cho tiểu tiện đúng giờ; nếu thận, bàng quang đều hư không chế ước được đường nước mà gây đái dầm.

Sách Nội kinh có nói “Bàng quang không chế ước chê được thì sinh đái dầm, hai là do phế hư không nhiếp được, khí hư hãm xuống công năng phân bố khí tân dịch bị trở ngại, đồng thời phế, thân có quan hệ mẹ con với nhau mà phế khí hư ở trên, thận khí cũng chụi ảnh hưởng mà hư ở dưới, nguyên khí phải suy kiệt không thể ước chế được cũng gây đái dầm”.

**III. BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ**

**1. Triệu chứng**

Đặc trưng là tối đến trong khi ngủ trẻ đái dầm, bệnh tình nặng hơn thì kèm có sắc mặt trắng bệch, sợ rét, chân tay lạnh, bắp chân và eo lưng đau ê ẩm luôn, tiểu trong dài hoặc ăn không ngon hoặc đi ỉa lỏng, người gầy, môi nhợt, chất lưỡi nhợt nhạt, rêu lưỡi trắng trơn, mạch trầm trì vô lực( biểu hiện thận dương không đủ, khí hư không nhiếp được).

2. Phương pháp điều trị: ôn bổ thận dương cố sáp.

3. Phương thuốc: dùng bài Tang phiêu tiêu tán

Tang phiêu 20g Đẳng sâm 12g

Mẫu lệ 20g Hoàng kỳ 40g

Xích thạch chi 20g Lộc nhung 12g

Hậu phác 4g

Hoặc bài Súc tuyền hoàn

Hoài sơn 60g Ích trí nhân 20g

Ô dược 20g

Dùng rượu nấu hoài sơn làm hồ, vị khác tán bột viên bằng hạt ngô đồng, uống 5-10 viên / lần.

Nếu tỳ vị phế khí hư không nhiếp được, trung khí hãm xuống thì sử dụng bài Bổ trung ích khí thang

Ngoài ra trong điều trị cần phối hợp với châm cứu.

- Nếu vì thói quen không tốt gây đái dầm, không cần uống thuốc mà chỉ rèn luyện thói quen thì mới khỏi.